



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
BINH THUAN HIGH QUALITY PLASTIC JOINT STOCK
COMPANY

Trụ sở: Lô CN-03, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Head office: Lot CN-03, Dong Van IV Industrial Zone, Le Ho Ward, Ninh Binh Province, Viet Nam.

Điện thoại: (84-24) 3388 8899

Telephone: (84-24) 3388 8899

Website: bqp.com.vn Email: info@bqp.com.vn

Số: 06-10/2025/CBTT-BQP

Ninh Bình. Ngày 20 tháng 10 năm 2025

No. 06-10/2025/CBTT-BQP

Ninh Binh, October 20th, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: - State Securities Commission of Vietnam

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

Name of company: **BINH THUAN HIGH QUALITY PLASTIC JOINT STOCK COMPANY**

Mã chứng khoán/Stock symbol: BQP

Địa chỉ: Lô CN-03, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Head office: Lot CN-03, Dong Van IV Industrial Zone, Le Ho Ward, Ninh Binh Province, Viet Nam.

Điện thoại liên hệ/Tel: (84-24) 3388 8899

Website: bqp.com.vn

E-mail: info@bqp.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận công bố thông tin đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận.

Binh Thuan High Quality Plastic Joint Stock Company announces the registration of share trading of Binh Thuan High Quality Plastic Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử vào ngày 20/10/2025 tại đường dẫn <https://bqp.com.vn/quan-he-co-dong/>

This information was disclosed on company's website on October 17th, 2025 as in the link <https://bqp.com.vn/quan-he-co-dong/>



Tài liệu đính kèm/Attached document:

- *Bản công bố thông tin về công ty đại chúng/ Information Disclosure Document on the Public Company*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận/ Charter on the Organization and Operation of Binh Thuan High Quality Plastic Joint Stock Company*
- *Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 12/ 12th Amended Business Registration Certificate*
- *Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024/ Audited Financial Statements for the Year 2024*
- *Báo cáo tài chính quý I năm 2025/ Quarter I/2025 Financial Statements*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT/LEGAL REPRESENTATIVE**

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



LUONG HUU HOAN



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700823506 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/01/2019, Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 04/09/2025)



Trụ sở chính: Lô CN-03, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Phường Lê Hồ, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3388 8899

Website: bqp.com.vn

Email: info@bqp.com.vn

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/03/2025: 150.000.000.000 đồng

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lương Hữu Hoàn

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: (84-24) 3388 8899

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	5
1. Tóm tắt về quá trình hình thành và phát triển	5
1.1. Thông tin chung về Công ty	5
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch	5
2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	6
2.1. Tóm tắt quá trình hình thành, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và phát triển của Công ty	6
2.2. Ngày Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15	6
2.3. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15	7
2.4. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch UPCOM. 7	
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	7
3.1. Các công ty mẹ	7
3.2. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	8
3.3. Các công ty con	8
3.4. Công ty mà công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	8
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	8
5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty	14
6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất	16
7. Hoạt động kinh doanh	17
7.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh	17
7.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh	22
7.3. Thị trường hoạt động	22
7.4. Nguyên vật liệu	22
7.5. Trình độ công nghệ	23
7.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	24
7.7. Hoạt động Marketing	27
7.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	27
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và đến quý gần nhất	28
8.1. Cơ cấu Doanh thu	28
8.2. Cơ cấu chi phí	29
8.3. Cơ cấu lợi nhuận	29
9. Vị thế của công ty trong ngành	30
9.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	30
9.2. Triển vọng phát triển của ngành	31
10. Chính sách đối với người lao động	32

10.1. Số lượng người lao động trong Công ty	32
10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp	33
11. Chính sách cổ tức	34
11.1. Chính sách liên quan đến việc trả cổ tức	34
11.2. Tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm gần nhất	34
12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất	34
12.1. Tình hình công nợ	34
12.2. Các khoản phải nộp theo luật định và việc tuân thủ quy định pháp luật	39
12.3. Trích lập các quỹ	39
12.4. Các sự kiện có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất	40
12.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	40
13. Tài sản cố định	40
14. Các dự án của Công ty	41
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	41
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)	43
17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	43
18. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	44
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	44
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị	44
1.1. Ông Nguyễn Thanh Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	45
1.2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên Hội đồng quản trị	46
1.3. Ông Lê Văn Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị	47
1.4. Ông Choi Je Hyok - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	49
1.5. Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	49
2. Ủy ban kiểm toán	50
2.1. Ông Nguyễn Thị Hồng Vân – Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	50
2.2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên Ủy ban kiểm toán	50
3. Giám đốc và người quản lý khác	50
3.1. Ông Lương Hữu Hoàn - Giám đốc	51
3.2. Ông Vũ Văn Tuấn - Phó Giám đốc	51
3.3. Nguyễn Khánh Hiếu – Phó Giám đốc	52
3.4. Trần Thị Ánh Kiều – Phó Giám đốc	52
3.5. Bà Phạm Thị Bích - Kế toán trưởng	53
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	54
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	55
6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định	61

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY	65
1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đại chúng	65
2. Cam kết của Công ty	65
IV. NGÀY THÁNG NĂM, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG)	66

CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Công ty / BQP	:	Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận
CTCP / CP (cp)	:	Công ty cổ phần / cổ phần
TNHH	:	(Công ty) trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	:	(Công ty) trách nhiệm hữu hạn một thành viên
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HĐTV	:	Hội đồng thành viên
UBKT	:	Ủy ban kiểm toán
GD / Phó GD	:	Giám đốc / Phó Giám đốc
Sở KHĐT	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
CNĐKDN	:	(Giấy) Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CBNV / CBCNV	:	Cán bộ nhân viên / Cán bộ công nhân viên
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
ROA	:	Hệ số LNST / Tổng tài sản bình quân
ROE	:	Tỷ lệ LNST / Vốn chủ sở hữu bình quân
EPS	:	Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu
BVPS	:	Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
TNCN	:	(thuế) Thu nhập cá nhân
TNDN	:	(thuế) Thu nhập doanh nghiệp
MSDN	:	Mã số doanh nghiệp
VĐL	:	Vốn điều lệ
Luật chứng khoán	:	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Luật doanh nghiệp	:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
UBND	:	Ủy ban Nhân dân
NH TMCP	:	Ngân hàng thương mại cổ phần
CNTT	:	Công nghệ thông tin
Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận
NG / GTCL	:	Nguyên giá / Giá trị còn lại

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt về quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung về Công ty

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
- Tên tiếng Anh: BINH THUAN HIGH QUALITY PLASTIC JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: Không có
- Mã cổ phiếu: BQP
- Trụ sở chính: Lô CN-03, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Phường Lê Hồ, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3388 8899
- Website: bqp.com.vn Email: info@bqp.com.vn
- Vốn điều lệ đăng ký: 150.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 150.000.000.000 đồng

- Logo:  BINH THUAN QUALITY PLASTIC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700823506 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/01/2019, Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 04/09/2025.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Hữu Hoàn – Giám đốc.
- Nghành nghề kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ plastic, sản xuất bao bì từ plastic)

Mã ngành: 2220

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: BQP
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 15.000.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu
- Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty tuân thủ quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các Hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Ngày 13/10/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phát hành Công văn số 6292/UBCK-PTTT về việc hồ

sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại (theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/09/2025 là 0%

2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

2.1. Tóm tắt quá trình hình thành, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và phát triển của Công ty

NĂM 2019	Ngày 29/01/2019: Công ty TNHH Phát triển Bình Thuận được Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu với vốn điều lệ là 21,0 tỷ đồng, gồm 05 thành viên góp vốn. Ngày 06/06/2019: Công ty TNHH Phát triển Bình Thuận được Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 01 với vốn điều lệ là 69,0 tỷ đồng. Cũng trong năm 2019, Công ty khởi công nhà máy nhựa tại Lô CN-03, khu công nghiệp Đồng Văn IV, Phường Lê Hồ, Tỉnh Ninh Bình với tổng vốn đầu tư 229.114.316.475 VND (bao gồm cả vốn lưu động), nhà máy được xây dựng trên diện tích 15.059 m2.
NĂM 2020	Hoàn thành và đưa vào vận hành nhà máy nhựa. Nhà máy đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, với 04 máy ép công suất ban đầu 5.000.000 sản phẩm/năm. Sản phẩm chính là linh kiện, chi tiết và thành phẩm nhựa,...
NĂM 2021 - 2022	Nhà máy được lắp đặt thêm 19 máy ép, công suất tăng thêm 04 lần so với công suất ban đầu, đạt 24.000.000 sản phẩm/năm. Mở rộng thêm dây chuyền sản xuất..... Doanh thu năm 2022 bước đầu có sự đột phá khi tăng trưởng 110,0%, vượt mốc 1.000 tỷ đồng. Ngày 10/03/2022: Công ty TNHH Phát triển Bình Thuận được Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 06 với vốn điều lệ là 100,0 tỷ đồng. Ngày 12/12/2022: Công ty TNHH Phát triển Bình Thuận được Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 07 với vốn điều lệ là 150,0 tỷ đồng.
NĂM 2024	Ngày 15/04/2024: Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần với tên gọi chính thức là Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận. Nhà máy lắp đặt thêm 06 máy ép, nâng công suất lên 29.000.000 sản phẩm/năm.
NĂM 2025	Ngày 30/07/2025: Công ty nhận được Công văn số 3907/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận. Ngày 27/08/2025: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) đã ban hành Văn bản số 11309/VSDC-ĐKCP.NV về việc chứng nhận hoàn tất đăng ký cổ phiếu với mã chứng khoán BQP.

Nguồn: BQP

2.2. Ngày Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15

Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 tại ngày 30/07/2024, vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 đồng, trong đó 26,88% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do 114 cổ đông không phải là cổ đông lớn nắm giữ.

Do đó, Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 tại thời điểm ngày 30/07/2024.

Ngày 30/07/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 3907/UBCK-GSĐC xác nhận việc hoàn tất đăng ký công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận

2.3. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15

- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2024 (*): 157.612.351.283 đồng
- Căn cứ Danh sách cổ đông tại ngày 30/07/2024:
 - + Số lượng cổ đông: 116 cổ đông
 - + Cơ cấu cổ đông: 114 cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu 4.031.600 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 26,88% vốn điều lệ

(*) Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 đến ngày 30/06/2024

2.4. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch UPCOM:

- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2025 (*): 159.263.573.206 đồng
- Căn cứ Danh sách cổ đông tại ngày 30/09/2025:
 - + Số lượng cổ đông: 180 cổ đông
 - + Cơ cấu cổ đông: 178 cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu 4.031.600 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 26,88% vốn điều lệ

(*) Căn cứ Báo cáo tài chính Q1/2025

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

3.1. Các công ty mẹ

Tên công ty mẹ	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ biểu quyết	Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	Số 121-123 Đường Lâm Hạ, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	Bán buôn tổng hợp (Mã ngành: 4690)	7.968.400	53,12%	Lê Văn Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận và Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận được thành lập vào ngày 26/12/2008, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101775116 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2008, cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 25/08/2025.

3.2. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

Tên công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ biểu quyết	Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần BPG Invest	Số 121 Đường Lâm Hạ, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm từ Plastic (Mã ngành: 2220)	3.000.000	20,00%	Lê Văn Dũng – Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần BPG Invest được thành lập vào ngày 06/02/2024, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0110624138 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/02/2024, cấp thay đổi lần thứ 02 ngày 08/09/2025

3.3. Các công ty con

Không có.

3.4. Công ty mà công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận

Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Mô hình này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ủy ban kiểm toán: Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Ban Giám đốc: Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc, và các Phó Giám đốc chuyên trách, có trách nhiệm lãnh đạo hoạt động toàn Công ty. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự quản lý của Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh đúng quy trình quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Phòng Hành chính - Nhân sự:

- Tham mưu, tư vấn cho Ban Giám đốc về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, hành chính quản trị và các hoạt động khác theo chính sách của Công ty và luật pháp hiện hành;
- Thực hiện công tác quản trị văn phòng: Công tác lễ tân; 5S tại nhà máy; quản lý con dấu; văn thư lưu trữ; văn phòng phẩm; bảo hộ lao động; trang thiết bị văn phòng và quản lý xe ô tô con;
- Chủ trì công tác quản lý cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ cho hoạt động của Công ty (không bao gồm việc quản lý cơ sở hạ tầng và thiết bị sản xuất);
- Chủ trì trong công tác an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn sức khỏe nghề nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm, các công tác an toàn khác....);
- Chủ trì trong công tác bảo vệ môi trường phù hợp với yêu cầu luật định;
- Tổ chức các sự kiện nội bộ của Công ty, thực hiện công tác chăm lo đời sống, tinh thần cho cán bộ nhân viên;
- Triển khai thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo, quản lý lao động, thực hiện các chế độ cho người lao động như: Tính lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, hợp đồng lao động, ...
- Xây dựng các quy định, chính sách về nhân sự, các chế độ đãi ngộ, phúc lợi cho cán bộ nhân viên;
- Phối hợp với các bộ phận khác xây dựng định biên nhân sự các bộ phận, giám sát việc triển khai đào tạo chuyên môn tại các bộ phận;
- Xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá và phát triển nhân sự;
- Quản lý cán bộ nhân viên trong bộ phận đảm bảo tuân thủ các nội quy, quy định của Công ty;
- Xây dựng quy trình làm việc, tiêu chuẩn công việc, hướng dẫn công việc nâng cao hiệu suất lao động;
- Quản lý, đào tạo, đánh giá, phát triển nhân viên để đảm bảo nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên đáp ứng yêu cầu năng lực của Công ty;

Phòng Tài chính - Kế toán:

- Tham mưu giúp Ban Giám đốc về công tác kế toán tài chính của Công ty, nhằm sử dụng tiền và vốn đúng mục đích, đúng chế độ chính sách của Công ty và phục vụ cho sản xuất kinh doanh có hiệu quả;
- Thực hiện các nghiệp vụ kế toán hàng ngày, tháng, năm theo quy định của các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn và theo chế độ kế toán;
- Quản lý hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán và nộp thuế theo quy định;
- Làm việc với các Đoàn thanh tra, cơ quan thuế, giải trình và quyết toán khi có phát sinh;
- Theo dõi và hướng dẫn trong việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch về các loại vốn: cố định, lưu động, xây dựng cơ bản....;

- Theo dõi hạch toán kế toán, hướng dẫn lập báo cáo về các nguồn vốn cấp, vốn vay nhận được;
- Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Công ty;
- Theo dõi tình hình biến động nhập- xuất- tồn kho của vật tư, sản phẩm, hàng hóa về mặt số lượng và giá trị tại các kho của Công ty;
- Định kỳ đối chiếu số lượng với thủ kho, lập bảng nhập xuất tồn kho vật tư, sản phẩm và hàng hóa;
- Tập hợp các chi phí để tính giá thành sản phẩm, tính giá thành sản phẩm;
- Lập bảng so sánh giá thành, bảng tính vượt định mức để có phương án sử dụng nguyên liệu hợp lý;
- Xác định được điểm hòa vốn giúp Ban Giám đốc có những phương án kinh doanh phù hợp;
- Xây dựng quy trình làm việc, tiêu chuẩn công việc, hướng dẫn công việc nâng cao hiệu suất lao động;
- Quản lý, đào tạo, đánh giá, phát triển nhân viên để đảm bảo nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên đáp ứng yêu cầu năng lực của công ty;

Phòng Kinh doanh:

- Tham mưu cho Ban Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, như nghiên cứu thị trường tìm kiếm khách hàng, xác định nhu cầu và xu hướng của khách hàng. Đề xuất các chiến lược kinh doanh, bán hàng hiệu quả. Xây dựng và triển khai các chiến dịch Marketing, quảng cáo, theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- Tiến hành nghiên cứu và triển khai chiến lược nhằm tiếp cận đến thị trường và khách hàng mục tiêu;
- Xây dựng kế hoạch giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường nhằm thu hút sự quan tâm của khách hàng;
- Thiết lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động kinh doanh, tính toán giá thành sản phẩm/ dịch vụ, lập báo cáo để làm căn cứ ký hợp đồng với khách hàng;
- Đảm bảo tuân thủ quy trình và tiến độ sản xuất sản phẩm theo yêu cầu hợp đồng;
- Đề xuất chiến lược Marketing và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh theo từng giai đoạn cụ thể;
- Xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động phát triển thị trường, nghiên cứu và phát triển sản phẩm;
- Xây dựng và phát triển mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng hiện tại và mở rộng mối quan hệ với khách hàng mới;
- Chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về tất cả các hoạt động phát triển kinh doanh của doanh nghiệp dựa trên quyền hạn và nhiệm vụ đã được giao.

Phòng Kế hoạch sản xuất:

- Kế hoạch cho bộ phận đúc;
- Chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về việc lập và triển khai kế hoạch sản xuất đảm bảo đơn hàng;
- Kết hợp với các bộ phận liên quan chuẩn bị đầy đủ các hạng mục cần thiết để triển khai sản xuất;
- Theo dõi, đánh giá quá trình sản xuất, linh động xử lý vấn đề để đảm bảo kế hoạch đề ra;
- Quản lý, phân tích dữ liệu sản xuất, kết hợp với phòng sản xuất và kỹ thuật cải thiện nhằm nâng cao hiệu quả và giảm rủi ro trong quá trình sản xuất;
- Quản lý toàn bộ nguyên, vật liệu phục vụ quá trình sản xuất (nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và nguyên vật liệu tiêu hao);
- Thực hiện kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu của Công ty;

- Thực hiện và cập nhật bảng Master định mức nguyên liệu của tất cả các sản phẩm;
- Theo dõi leadtime của tất cả các nguyên liệu đảm bảo kế hoạch sản xuất;
- Báo cáo, phân tích dữ liệu sản xuất định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu từ Ban Giám đốc;
- Quản lý CBNV trong bộ phận đảm bảo tuân thủ các nội quy, quy định của Công ty;
- Xây dựng quy trình làm việc, tiêu chuẩn công việc, hướng dẫn công việc nâng cao hiệu suất lao động;
- Quản lý, đào tạo, đánh giá, phát triển nhân viên để đảm bảo nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên đáp ứng yêu cầu năng lực của Công ty.

Bộ phận Sản xuất:

- Phòng sản xuất là bộ phận trực tiếp sản xuất ra sản phẩm theo kế hoạch và nhiệm vụ do Giám đốc nhà máy phân công;
- Đảm bảo máy móc thiết bị sẵn sàng phục vụ kịp thời cho sản xuất;
- Vận hành máy xay, trộn, máy đúc nhựa, máy ép nhựa để đảm bảo máy hoạt động tốt, sạch sẽ không bị lẫn tạp chất khi xay trộn nhựa và lỗi sản phẩm đúc;
- Bảo trì, bảo dưỡng khuôn và máy ép định kỳ hoặc theo kế hoạch sản xuất. Đảm bảo khuôn và máy ép luôn trong tình trạng sẵn sàng cho hoạt động;
- Đảm bảo nguyên vật liệu, hàng hóa sản xuất ra đáp ứng đầy đủ về mặt số lượng, chất lượng và thời hạn;
- Quản lý máy móc thiết bị trong bộ phận, đảm bảo cho việc sản xuất được tiến hành an toàn và ổn định;
- Quản lý, thực hiện toàn bộ các nhiệm vụ liên quan tới hoạt động in: Chuẩn bị vật tư, nguyên phụ liệu, tiến hành in theo kế hoạch đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng;
- Thực hiện việc báo cáo định kỳ về tình hình sản xuất;
- Quản lý CBNV trong bộ phận đảm bảo tuân thủ các nội quy, quy định của Công ty;
- Xây dựng quy trình làm việc, tiêu chuẩn công việc, hướng dẫn công việc nâng cao hiệu suất lao động;
- Quản lý, đào tạo, đánh giá, phát triển nhân viên để đảm bảo nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên đáp ứng yêu cầu năng lực của Công ty.

Phòng Đảm bảo chất lượng (QA/QC):

- Tham mưu, tư vấn cho Ban Giám đốc Công ty về các hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, đảm bảo đáp ứng được các tiêu chuẩn tiên tiến về quản lý chất lượng như: ISO 9001, ISO 14001-2015,...
- Quản lý công tác tiêu chuẩn hoá các quy định và quy trình quản lý chất lượng, tổ chức thử nghiệm, kiểm định chất lượng sản phẩm và thúc đẩy tư duy cải tiến chất lượng sản phẩm trong toàn Công ty;
- Chủ trì quá trình kiểm tra, lập hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu chất lượng sản phẩm và tiến hành bàn giao sản phẩm theo đúng quy định của Công ty;
- Xây dựng và kiểm soát hệ thống các tiêu chuẩn về chất lượng của từng loại sản phẩm; kiểm soát các phương tiện, công cụ, thiết bị đo lường phục vụ cho quá trình kiểm tra và nghiệm thu chất lượng sản phẩm;
- Kiểm soát sản phẩm không phù hợp: tổng hợp, báo cáo, phân tích nguyên nhân xảy ra lỗi và xây dựng phương án khắc phục;
- Theo dõi, kiểm tra và đánh giá bộ phận chịu trách nhiệm sản xuất sản phẩm. Đồng thời hướng dẫn bộ phận sản xuất nâng cao năng lực chuyên môn có thể tự kiểm soát chất lượng sản phẩm tại mỗi công đoạn sản xuất;
- Đối với quản lý chất lượng nguy hại trong sản phẩm: thu thập toàn bộ các MSDS ICP test report, ICP test report

đối với các nguyên vật liệu và hoá chất nếu có. Chủ trì, giám sát việc tuân thủ theo yêu cầu của khách hàng, luật định;

- Xử lý và giải quyết các khiếu nại từ khách hàng một cách hiệu quả;
- Quản lý nhân viên trong bộ phận đảm bảo tuân thủ các nội quy, quy định của Công ty;
- Xây dựng quy trình làm việc, tiêu chuẩn công việc, hướng dẫn công việc nâng cao hiệu suất lao động;
- Quản lý, đào tạo, đánh giá, phát triển nhân viên để đảm bảo nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên đáp ứng yêu cầu năng lực của Công ty.

Bộ phận Kho:

- Tham mưu cho Ban Giám đốc công tác quản lý hàng hoá, nguyên vật liệu. Cấp phát nguyên vật liệu phục vụ kịp thời theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện việc quản lý theo dõi việc xuất nhập nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa theo kế hoạch;
- Đảm bảo lượng tồn kho nguyên vật liệu theo đúng yêu cầu của Ban Giám đốc;
- Đảm bảo cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu cho bộ phận sản xuất và các bộ phận liên quan theo đúng kế hoạch sản xuất;
- Đảm bảo việc ghi chép báo cáo theo định kỳ, hoặc theo yêu cầu của Ban Giám đốc;
- Đảm bảo việc phối hợp với các bộ phận liên quan để hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Quản lý máy móc thiết bị trong bộ phận để đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động ổn định, đạt hiệu quả cao;
- Quản lý CBNV trong bộ phận đảm bảo tuân thủ các nội quy, quy định của Công ty;
- Xây dựng quy trình làm việc, tiêu chuẩn công việc, hướng dẫn công việc nâng cao hiệu suất lao động;
- Quản lý, đào tạo, đánh giá, phát triển nhân viên để đảm bảo nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên đáp ứng yêu cầu năng lực của Công ty.

Bộ phận Công nghệ:

- Tham mưu cho Ban Giám đốc về việc phát triển dự án mới, phát triển công thức nhựa, màu nhựa;
- Triển khai các sản phẩm mới trước khi sản xuất hàng loạt;
- Nghiên cứu xây dựng JIG tự động phục vụ sản xuất;
- Xây dựng công thức nguyên vật liệu phù hợp với yêu cầu của kinh doanh;
- Xây dựng và phát triển các bản mẫu tiêu chuẩn cho toàn bộ nhà máy;
- Phát triển sản phẩm mới, model mới dựa theo kế hoạch của khách hàng;.

Bộ phận Mua hàng:

- Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch mua hàng đáp ứng kịp thời kế hoạch sản xuất, đảm bảo chất lượng mua hàng và giá cả cạnh tranh;
- Đánh giá, tìm kiếm nguồn hàng mới (Nhà cung cấp mới, sản phẩm mới ...);
- Đảm bảo chứng từ hợp lệ cung cấp cho cơ quan nhà nước, và khách hàng;
- Tìm kiếm và đánh giá nhà cung cấp, đảm bảo hàng hóa đảm bảo phù hợp với yêu cầu về chất lượng, tiến độ và cạnh tranh về giá cả;
- Lập các thủ tục trong việc giao dịch, đảm bảo hồ sơ, chứng từ tuân thủ đúng các yêu cầu nội bộ và yêu cầu của luật;

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất lập kế hoạch mua vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất;
- Phân tích thông tin biến động về giá cả thị trường các loại vật tư, nguyên vật liệu báo cáo để Ban Giám đốc đưa ra các quyết sách phù hợp;
- Phối hợp với các phòng ban liên quan để kiểm soát chất lượng hàng hóa và lượng tồn kho chính xác, đảm bảo sản xuất diễn ra suôn sẻ;
- Quản lý cán bộ nhân viên trong bộ phận đảm bảo tuân thủ các nội quy, quy định của công ty;
- Xây dựng quy trình làm việc, tiêu chuẩn công việc, hướng dẫn công việc nâng cao hiệu suất lao động;
- Quản lý, đào tạo, đánh giá, phát triển nhân viên để đảm bảo nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên đáp ứng yêu cầu năng lực của công ty;
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác khi có yêu cầu.

Bộ phận Cơ điện:

- Đảm bảo máy móc thiết bị sẵn sàng phục vụ kịp thời cho sản xuất;
- Xây dựng và tham mưu cho Ban Giám đốc trong lĩnh vực mình phụ trách. Quản lý, phân công công việc cho nhân viên bộ phận cơ điện;
- Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị máy móc định kỳ nhằm phục vụ sản xuất một cách thông suốt, hiệu quả an toàn tuyệt đối;
- Chịu trách nhiệm toàn bộ các sự cố do thiếu kiểm tra giám sát trong công tác quản lý liên quan đến thiết bị, máy móc;
- Hướng dẫn, đào tạo, kiểm tra tay nghề chuyên môn các nhân sự thuộc bộ phận cơ điện;
- Thực hiện các công việc khác do Ban Giám đốc giao.

(Hết nội dung tại trang này)

5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Từ khi thành lập đến nay, Công ty có quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
01/2019	21.000	+ 21.000	Các thành viên góp vốn thành lập TNHH Phát triển Bình Thuận	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700823506 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/01/2019 - Biên bản thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên ngày 05/12/2018
06/2019	69.000	+ 48.000	Tăng vốn góp của thành viên	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700823506 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 06/06/2019 - Nghị quyết Hội đồng thành viên số 13-05/2019/NQ-BTD thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 69 tỷ đồng ngày 13/05/2019 - Biên bản họp Hội đồng thành viên số 13-05/2019/BB-BTD về việc tăng vốn điều lệ lên 69 tỷ đồng ngày 13/05/2019
03/2022	100.000	+ 31.000	Tăng vốn góp của thành viên	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700823506 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp thay đổi lần thứ 06 ngày 10/03/2022 - Nghị quyết Hội đồng thành viên số 09-03/2022/QĐ-HĐTV ngày 09/03/2022 thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng - Biên bản họp Hội đồng thành viên số 09-03/2022/BB-HĐTV ngày 09/03/2022 về việc tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
12/2022	150.000	+ 50.000	Tăng vốn góp của thành viên	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700823506 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp thay đổi lần thứ 07 ngày 12/12/2022 - Nghị quyết Hội đồng thành viên số 07-12/2022/QĐ-HĐTV ngày 07/12/2022 thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng - Biên bản họp Hội đồng thành viên số 07-12/2022/BB-HĐTV ngày 07/12/2022 về việc tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng
Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký giao dịch	150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)			

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận

- Ngày 01/04/2025, Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm sau đây của Công ty:
 - + Công ty đã thực hiện góp vốn chậm 08 ngày so với thời hạn quy định sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu (chưa tuân thủ quy định tại Điều 48 Luật doanh nghiệp 2014);
 - + Công ty đã kê khai thông tin trong hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 01, lần thứ 06, lần thứ 07 không trung thực, không chính xác (chưa tuân thủ quy định tại Khoản 4 Điều 17 Luật doanh nghiệp 2014 và khoản 4 Điều 16 Luật doanh nghiệp 2020);
- Công ty đã chấp hành Quyết định của Thanh tra Sở tài chính tỉnh Hà Nam như sau:
 - + Về việc thực hiện nộp phạt: Công ty đã thực hiện nộp phạt theo đúng Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC.
 - + Về việc khắc phục hậu quả: Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC nêu: "Công ty cổ phần Nhựa chất lượng cao Bình Thuận có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh vốn (góp vốn đầy đủ theo quy định của Pháp luật) đối với hành vi vi phạm". Công ty đã thực hiện góp vốn đầy đủ theo quy định của Pháp luật.

Tại công văn số 24/STC-PTDN&KTHTX ngày 08/04/2025 của Phòng phát triển Doanh nghiệp và Kinh tế Hợp tác xã – Sở tài chính tỉnh Hà Nam, Phòng phát triển Doanh nghiệp và Kinh tế Hợp tác xã – Sở tài chính tỉnh Hà Nam cũng đã xác nhận "Tuy nhiên, sau các lần thay đổi vốn điều lệ đó thì Công ty đã thực hiện góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký"
- Công ty cam kết sẽ tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và nghĩa vụ góp vốn, bảo đảm không để xảy ra các vi phạm tương tự trong thời gian tới.

6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất

Căn cứ Danh sách cổ đông ngày 30/09/2025, thông tin về cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ
I	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI			
1	Cổ đông trong nước	180	15.000.000	100,00%
	- Nhà nước	-	-	-
	- Tổ chức	2	10.968.400	73,12%
	- Cá nhân	178	4.031.600	26,88%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	- Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
	TỔNG CỘNG (1 + 2)	180	15.000.000	100,00%
II	CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG KHÁC			
1	Cổ đông lớn	2	10.968.400	73,12%
2	Cổ đông khác	178	4.031.600	26,88%
	TỔNG CỘNG (1 + 2)	180	15.000.000	100,00%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng Cao Bình Thuận

6.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	Số 121-123 Đường Lâm Hạ, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	7.968.400	53,12%
2	Công ty Cổ phần BPG Invest	Số 121 Đường Lâm Hạ, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	3.000.000	20,00%
	TỔNG CỘNG		10.968.400	73,12%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 30/09/2025

6.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận được thành lập dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700823506 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/01/2019 dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Ngày 15/04/2024, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700823506 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp thay đổi lần thứ 10 và Công ty không có cổ đông sáng lập.

7. Hoạt động kinh doanh

Lưu ý: Công ty đang áp dụng kỳ kế toán năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/04 năm trước đến ngày 31/03 năm sau. Ngày 15/04/2024, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Căn cứ quy định tại Điều 12 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Công ty không lập Báo cáo tài chính năm tài chính 2023 (từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024).

Thay vào đó, Công ty lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán cuối cùng, được tính từ đầu ngày kỳ kế toán năm (ngày 01/04/2023) đến hết ngày trước ngày quyết định chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (ngày 14/04/2024). Ngoài ra, Công ty lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 (ngày chính thức chuyển đổi loại hình) đến ngày 31/03/2025.

Trong khuôn khổ của Bản công bố thông tin về công ty đại chúng, Công ty sẽ trình bày kết quả của kỳ kế toán/kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2023 – 14/04/2024 như đại diện cho kết quả hoạt động của năm tài chính 2023 (sau đây gọi tắt là "Năm 2023") và kết quả của kỳ kế toán/kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 – 31/03/2025 như đại diện cho kết quả hoạt động của năm tài chính 2024 (sau đây gọi tắt là "Năm 2024").

7.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty xoay quanh 03 mảng hoạt động gồm: (1) Sản xuất các sản phẩm từ nhựa (plastic); (2) Dịch vụ gia công linh kiện, chi tiết và thành phẩm nhựa công nghệ, nhựa kỹ thuật cao theo yêu cầu của các doanh nghiệp nội địa và xuất khẩu; và (3) Kinh doanh thương mại hạt nhựa. Thông tin về chuỗi sản xuất, dịch vụ của Công ty như sau:

Hoạt động	Công nghệ chính	Nguyên liệu chính	Sản phẩm chủ yếu	Đối tượng khách hàng	Năng lực sản xuất/kinh doanh
Sản xuất các sản phẩm từ nhựa (plastic)	Công nghệ ép đúc	PE, PP	Pallet, Sọt sọt, Thùng rác, Khay nhựa	Doanh nghiệp công nghiệp nhẹ: may mặc, bao bì, linh kiện điện tử, dược phẩm, thực phẩm, cao su, lọc hóa dầu, logistics,...	12.000.000 sản phẩm/năm
Dịch vụ gia công linh kiện, chi tiết và thành phẩm nhựa	Công nghệ ép đúc và lắp ráp	PE,PP, PC, PA, ABS, GPPS, HI, POM,...	Vỏ máy hút bụi, bàn ghế văn phòng, đồ chơi, linh kiện tủ lạnh, máy lọc nước, bình nóng lạnh,...	Các doanh nghiệp công nghệ cao: Panasonic, Exwin, Parter, SMC, TTI, Xuân Hòa, Ferrol, Camac, T.rad, SSAB...	17.000.000 sản phẩm/năm
Kinh doanh thương mại hạt nhựa	Không có	PP,PE,PVC,ABS	PP,PE,PVC,ABS	Các doanh nghiệp thương mại nhựa và các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm từ nhựa	17.000.000-20.000.000 kg/năm

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận

Sản lượng sản xuất thực tế của Công ty giai đoạn 01/04/2023 – Q1/2025 như sau:

CHỈ TIÊU	Đơn vị	01/04/2023 - 14/04/2024	15/04/2024 - 31/03/2025	+/-%	Q1/2025
Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	Sản phẩm/năm	3.872.888	4.032.346	4,1%	1.041.178
Thành phẩm và Dịch vụ gia công	Sản phẩm/năm	10.963.787	15.070.157	37,5%	5.452.930
Kinh doanh thương mại hạt nhựa	kg/năm	17.559.703	21.950.498	25,0%	3.457.541

Nguồn: BQP

Trong giai đoạn 2023 – Q1/2025, sản lượng sản xuất của Công ty duy trì xu hướng ổn định và có sự gia tăng tương ứng với mức doanh thu ghi nhận. Cụ thể, năm 2023 sản lượng sản xuất đạt gần 15 triệu sản phẩm và hơn 17,5 triệu tấn hạt nhựa, tạo ra Doanh thu thuần 1.087 tỷ đồng; năm 2024 sản lượng tăng lên 19 triệu sản phẩm và gần 22 triệu tấn hạt nhựa, tương ứng với Doanh thu thuần 1.211 tỷ đồng. Ở tất cả các dòng sản phẩm đều ghi nhận mức tăng trưởng dương về sản lượng, theo đó lần lượt các Sản phẩm từ nhựa, Thành phẩm và dịch vụ gia công và Hạt nhựa đạt 4,1%, 37,5% và 25,0%.

7.1.1 Sản xuất các sản phẩm từ nhựa (plastic)

Các sản phẩm nhựa công nghiệp của Công ty bao gồm các loại pallet nhựa, thùng nhựa, thùng rác, xe đẩy... phục vụ cho các ngành sản xuất công nghiệp trong nước. Các khách hàng sử dụng sản phẩm nhựa công nghiệp của Công ty bao gồm cả các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực may mặc, bao bì, thực phẩm, dược phẩm, linh kiện điện tử, cao su, lọc hóa dầu, logistics... Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp các sản phẩm nhựa phục vụ luân chuyển hàng hóa cho các đối tác như: Coca Cola, Pepsi, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam, Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam... Các sản phẩm pallet nhựa, thùng rác của Công ty hiện đã được cấp chứng chỉ đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang các thị trường như Bắc Mỹ, Châu Âu, Úc.

Các dòng sản phẩm Pallet nhựa: Đây là một công cụ hỗ trợ đắc lực trong quá trình sản xuất, vận tải và được ứng dụng ngày càng rộng rãi trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong ngành sản xuất, vận tải, các tấm pallet nhựa giúp cố định, lưu trữ hoặc vận chuyển hàng hóa với nhiều ưu điểm vượt trội hơn so với các dòng pallet kim loại, pallet gỗ và giấy truyền thống, giúp các đơn vị tiết kiệm thời gian, nhân công, chi phí và hạn chế các rủi ro có thể xảy ra. Sáng tạo hơn, pallet nhựa còn được sử dụng để trồng trọt, làm bàn ghế, giường... trong chính căn nhà của mình, nhất là ở các khu vực thành thị hay các khu nghỉ dưỡng, homestay... Khách hàng cũng có thể sử dụng pallet nhựa lót sàn chăn nuôi cho chuồng gà, chuồng vịt, chuồng lợn... vừa dễ vệ sinh lại dễ thay thế, lắp ghép tạo lên sàn chăn nuôi chắc chắn, phẳng...

Trong ngành công nghiệp sản xuất gạch không nung, pallet nhựa cũng được ứng dụng rất phổ biến, thay thế cho các loại nẹp tre cũ trước đó. Hiện nay, Công ty cung cấp tư vấn thiết kế, chế tạo, sản xuất khuôn mẫu pallet nhựa - loại khuôn mẫu khó - với độ chính xác cao, chất lượng đạt chuẩn quốc tế cùng chi phí cạnh tranh. Đồng thời, Công ty còn là đơn vị nhận gia công, sản xuất pallet nhựa theo khuôn mẫu khách hàng cung cấp hoặc theo các mẫu phổ biến trên thị trường với số lượng lớn, thời gian giao hàng nhanh, chất lượng đạt chuẩn. Các sản phẩm pallet nhựa mà Công ty cung cấp đa dạng về mẫu mã, chủng loại như pallet cốc, pallet liền khối, pallet lót sàn...

Hình ảnh một số sản phẩm pallet nhựa của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận

Các dòng sản phẩm thùng nhựa công nghiệp: Công ty hiện đang sản xuất và cung cấp các loại thùng nhựa được sản xuất từ chất liệu nhựa nguyên sinh, tái chế với các hình dạng như: Tròn, chữ nhật, vuông... với nhiều kích thước khác nhau. Sản phẩm được dùng để phục vụ cho việc chứa, đựng, lưu trữ, vận chuyển các loại sản phẩm/ hàng hóa khác nhau. Sản phẩm nhựa của Công ty bao gồm: Thùng nhựa sóng (sóng bít - thùng nhựa đặc, sóng hở, rỗng nhựa - thùng nhựa hở); Khay nhựa, hộp nhựa, linh kiện; Thùng nhựa có nắp, thùng sơn nhựa, sóng nhựa có nắp, nắp thùng nhựa; Thùng nhựa công nghiệp có nắp, thùng rác, thùng phuy, thùng giữ lạnh...

Sản phẩm thùng nhựa của Công ty có các ưu điểm vượt trội như:

- + Được sản xuất 100% từ hạt nhựa nguyên sinh HDPE cao cấp, nhập khẩu chính hãng.
- + Thùng nhựa đặc, rỗng nhựa, khay nhựa... có độ bền cơ học cao, có tính dẻo, tải trọng lớn, chống va đập tốt.
- + Không độc hại, an toàn với sản phẩm/hàng hóa, con người, môi trường sinh thái.
- + Màu sắc, kích thước, hình dáng, mẫu mã đa dạng, tính thẩm mỹ cao, không có bavia, có thẻ card.
- + Bề mặt sản phẩm được sơn phủ UV chống bạc màu, gia tăng tuổi thọ, chống lão, chống trầy xước cho sản phẩm trong quá trình lưu trữ, vận chuyển, sử dụng.
- + Kết hợp với nắp thùng giúp việc bảo quản vận chuyển dễ dàng, tốt hơn, chống mối mọt, ẩm mốc, nước mưa.
- + Thiết kế tay xách thuận tiện với các mục đích sử dụng khác nhau (xách, bê, di chuyển...), tiện lợi trong việc nâng hạ, di chuyển.
- + Nhiều sản phẩm thùng nhựa được trang bị thêm hệ thống bánh xe, giúp di chuyển dễ dàng, kéo đi trong khoảng không gian nhỏ.

Một số sản phẩm thùng nhựa của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận

7.1.2 Dịch vụ gia công linh kiện, chi tiết và thành phẩm nhựa công nghệ, nhựa kỹ thuật cao theo yêu cầu của các doanh nghiệp nội địa và xuất khẩu

Ngoài các sản phẩm nhựa thông dụng trong công nghiệp, nông nghiệp... Công ty còn nhận gia công các chi tiết, linh kiện, phụ kiện nhựa cho ngành thực phẩm, điện tử... bằng công nghệ kỹ thuật tiên tiến của châu Âu, đảm bảo độ chính xác cao, chất lượng, kích thước đa dạng, mẫu mã theo yêu cầu riêng. Đặc biệt là chi phí sản xuất cực kỳ tốt.

Hiện nay, Công ty đã và đang là đối tác gia công cho rất nhiều nhãn hàng, thương hiệu công nghiệp nổi tiếng đang bán tại thị trường Việt Nam như Panasonic, Exwin, Parter, TTI, Xuân Hòa, Ferroli, Camac, T.rad, SSAB,... Công ty cũng là đối tác gia công các bộ phận làm từ nhựa cao cấp cho rất nhiều sản phẩm và thương hiệu lớn trên thế giới tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Châu Âu, Hoa Kỳ, tiêu biểu như SMC, Fuji,... Cụ thể, Công ty thực hiện gia công ép nhựa, lắp ráp sản phẩm như bình nóng lạnh, điều hòa, quạt, chi tiết linh kiện điện tử, máy hút bụi và nhiều sản phẩm khác.

Một số sản phẩm nhựa gia công của Công ty



Vỏ quạt tích điện

Vỏ máy hút bụi

Vỏ máy hàn xung

Vỏ máy khoan



Vỏ máy ảnh



Vỏ nhựa bình ắc quy



Vỏ quạt hơi



Vỏ máy massage



Vỏ điều hòa



Lõi lọc nước



Thế vuông



Thế dài



Vỏ bình nước nóng



Xô nhựa có quai



Vỉ nhựa lót sàn



Can



Vỏ máy in



Vỏ bàn phím, chuột



Dè ô tô



Vỏ điều khiển

Các sản phẩm được sản xuất từ sự kết hợp giữa các polyme đã được chứng nhận có khả năng phân hủy sinh học hoàn toàn như: PLA, PBS, PBAT... và các nguyên liệu xanh có nguồn gốc tự nhiên như: tinh bột, bột ngô, tinh bột thực vật, collagen, xơ cellulose..., đáp ứng đúng yêu cầu về ưu điểm nổi bật của nhựa sinh học.

7.1.3 Kinh doanh thương mại hạt nhựa

Công ty cũng là nhà cung cấp hạt nhựa với nhiều mã hàng. Hiện tại, Công ty có thể cung cấp khoảng hơn 700 mã hạt nhựa các loại từ PP (PP Homo, PP Copo, PP random,...), PE (HDPE, LDPE, LLDPE), PVC, ABS,... nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Các loại hạt nhựa do Công ty cung cấp



Polypropylene (PP) là một trong những loại nhựa được sử dụng rộng rãi nhất, nhờ đặc tính độ bền kéo cao, chịu được va đập mạnh khiến PP được lựa chọn làm nguyên liệu sử dụng trong nhiều lĩnh vực (sản xuất chỉ, sản xuất vỏ bao, khẩu trang y tế,...)

Nhựa Polyethylene (PE) là hạt nhựa mạch thẳng, tỷ trọng thấp, có đặc tính độ bền cao, dẻo dai, cứng chắc, khả năng chịu nhiệt, chịu lạnh, chịu lực va đập cao, chống trầy, chống nhiễm điện. Đây là loại nhựa nhiệt dẻo được sử dụng rộng rãi và có lượng tiêu thụ lớn trên thế giới, ứng dụng sản xuất can nhựa, túi nilon mua hàng, màng bọc thực phẩm, cuộn băng dính,...

Polyvinyl Clorua (PVC) là một loại nhựa nhiệt dẻo được sử dụng rộng rãi trong các tòa nhà, ngành xây dựng và hàng gia dụng với độ bền cao, khả năng chịu nhiệt tốt, chống ăn mòn và chống hóa chất độc hại, nhựa PVC được ứng dụng sản xuất dây điện, dây cáp điện, ống nước, sàn nhựa giả gỗ, đai bao,...

Công ty có nguồn hạt nhựa đầu vào chất lượng, được nhập khẩu từ nước ngoài và trong nước. Hiện nay, Công ty là nhà cung cấp hạt nhựa uy tín cho các doanh nghiệp thương mại và sản xuất, ví dụ: Hòa Phát, Hóa Nhựa Sài Gòn. Công ty cam kết mang đến hạt nhựa nguyên sinh chất lượng tốt, nguồn cung ứng dồi dào đi kèm dịch vụ tận tâm cho khách hàng doanh nghiệp.

7.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không mang tính thời vụ, mà diễn ra liên tục trong năm và chủ yếu phụ thuộc vào đơn hàng từ khách hàng trong và ngoài nước. Nhu cầu thị trường ổn định ở các phân khúc nhựa công nghiệp, nhựa kỹ thuật và thương mại hạt nhựa giúp Công ty duy trì kế hoạch sản xuất đều đặn, không chịu ảnh hưởng lớn bởi yếu tố mùa vụ.

7.3. Thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

7.4. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu: Quy trình sản xuất của Công ty sử dụng nguyên liệu đầu vào là các loại hạt nhựa (PE, PP, PE,PP, PC, PA, ABS, GPPS, HI, POM...), sau quá trình biến đổi vật lý và định hình cho nguyên liệu tạo ra các sản phẩm nhựa.

Quá trình đúc ép sử dụng nguyên liệu dưới hình thức nhựa hạt, bột hay nhựa tái chế xay nhỏ khô. Thông thường, các nguyên liệu này sẽ được phối trộn với nhau, trong đó tỷ lệ nhựa tái chế từ 20%-70% tùy theo đặc tính của sản phẩm và yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, các loại phụ liệu khác như hạt nhựa tái sinh, bột màu, chất phụ gia... cũng tham gia quá trình sản xuất với tỷ lệ tương đối nhỏ trong nguyên vật liệu.

Quá trình đẩy, ép nguyên liệu nóng chảy vào một hệ thống tạo hình dáng có sẵn được gọi là hệ thống khuôn, sau đó làm nguội để nguyên liệu lỏng kết tinh và đưa sản phẩm ra ngoài. Khuôn hay còn gọi là khuôn mẫu chính là trung tâm của công nghệ ép đúc. Vì vậy, khuôn mẫu cũng được xem là một trong những nguyên liệu đầu vào quan trọng trong quy trình sản xuất của Công ty.

Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:

Công ty Cổ phần BPG Shinnihon - Hải Dương (Công ty cùng Tập đoàn với Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận) là đơn vị chính cung cấp hạt nhựa khi đảm nhận khoảng 30% nhu cầu nguyên liệu hằng năm của Công ty.

Từ năm 2018, Công ty Cổ phần BPG Shinnihon - Hải Dương là một trong số ít đơn vị được cấp phép nhập và sản xuất sản phẩm tái chế từ nhựa (với công suất 12.000 tấn/năm). Do đó, so với các công ty khác cùng ngành, Công ty có lợi thế chủ động được nguồn nguyên liệu nhựa tái chế cho phần lớn các sản phẩm chiến lược, từ đó kế hoạch sản xuất của Công ty giảm phụ thuộc vào nguồn cung cấp nhựa nguyên sinh (phụ thuộc vào thị trường dầu mỏ).

Ngoài ra, Công ty còn có lợi thế về công nghệ khi đơn vị chuyên sản xuất - cung cấp các loại khuôn là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu Nhựa Việt Nam (VPM) cùng trực thuộc Tập đoàn Nhựa Bình Thuận. Với máy móc hiện đại, nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm và chuyên môn, hiện nay, VPM đã trực tiếp thiết kế, chế tạo các bộ khuôn từ đơn giản đến phức tạp như khuôn pallet, thùng rác cỡ lớn...

Đối với ngành nhựa ép thì công nghệ khuôn trong đó bao gồm các phần việc bảo dưỡng khuôn là yếu tố quan trọng hàng đầu để đảm bảo giá trị khuôn cũng như công năng sử dụng. Hiện Công ty kiểm soát tốt chi phí này, từ đó gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường và chủ động trong kế hoạch sản xuất.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Chuỗi giá trị của ngành nhựa từ nguyên liệu hóa thạch đến các sản phẩm nhựa cuối cùng bao gồm hai phân khúc là thượng nguồn và hạ nguồn. Thượng nguồn của ngành nhựa bao gồm các doanh nghiệp lọc hóa dầu, các doanh nghiệp hóa chất với hoạt động chính là biến đổi các loại nguyên liệu hóa thạch thành các loại hạt nhựa nguyên liệu (hay còn được gọi là nhựa nguyên sinh). Hạ nguồn của ngành nhựa là giai đoạn các nhà sản xuất biến đổi các loại hạt nhựa nguyên liệu thành các sản phẩm nhựa. Tuy nhiên, đặc thù của ngành nhựa Việt Nam là nguyên liệu nhựa nguyên sinh phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu, do thượng nguồn của ngành chưa phát triển tương xứng với quy mô và nhu cầu nguyên liệu của hạ nguồn. Bên cạnh đó, sự biến động của giá hạt nhựa còn phụ thuộc chặt chẽ vào tình trạng cung - cầu trên thế giới.

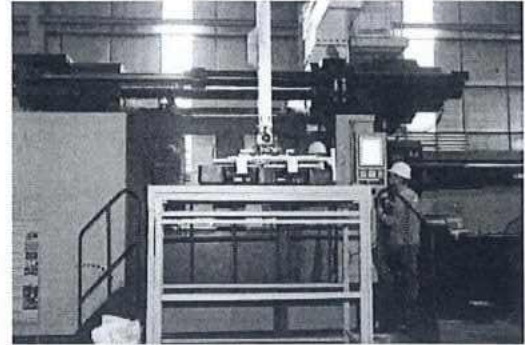
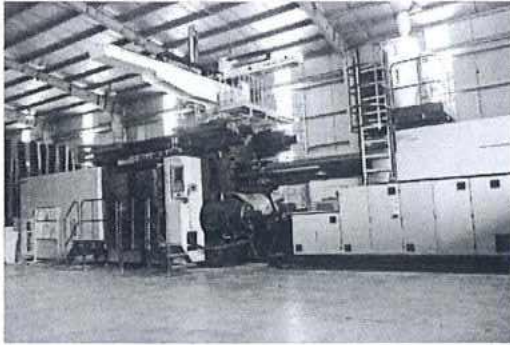
Hiện nay, tỷ lệ sử dụng nhựa nguyên sinh - nhựa tái sinh trong quy trình sản xuất của Công ty là 40% - 60%. Vì vậy, biến động nguyên liệu sẽ có tác động đến lợi nhuận khi Công ty cố gắng duy trì chính sách giá bán không đổi, khiến cho khoảng chênh lệch giữa giá đầu ra và đầu vào có thể được nới rộng hoặc thu hẹp.

7.5. Trình độ công nghệ

Năng lực sản xuất: Cơ sở sản xuất và cũng là Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại Lô CN-03, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Phường Lê Hồ, Tỉnh Ninh Bình. Trên diện tích 15.059 m², dây chuyền sản xuất theo công nghệ ép đúc với 29 máy ép phun công suất đa dạng từ 350 tấn đến 2.800 tấn.

Trình độ công nghệ: Dây chuyền hiện có được xem là dòng máy hiện đại nhất của Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc. Hệ thống các máy móc hiện đại được điều khiển bằng máy CNC, tính tự động hóa cao. Công suất thiết kế cho ra được trên 30 triệu sản phẩm/năm, sản lượng hạt nhựa tiêu thụ hằng năm lên đến 25.000 tấn/năm.

Hình ảnh máy ép nhựa 2.800 tấn của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận

Cùng với đó quá trình sản xuất các sản phẩm nhựa của Công ty còn được đầu tư đồng bộ chuyên sâu cả phần cứng và phần mềm để tối ưu hóa, tự động hóa khả năng thiết kế, giúp người thiết kế đạt tới những yêu cầu khó khăn nhất của khách hàng. Một số phần mềm, công nghệ được ứng dụng trong thiết kế sản xuất sản phẩm nhựa của Công ty bao gồm:

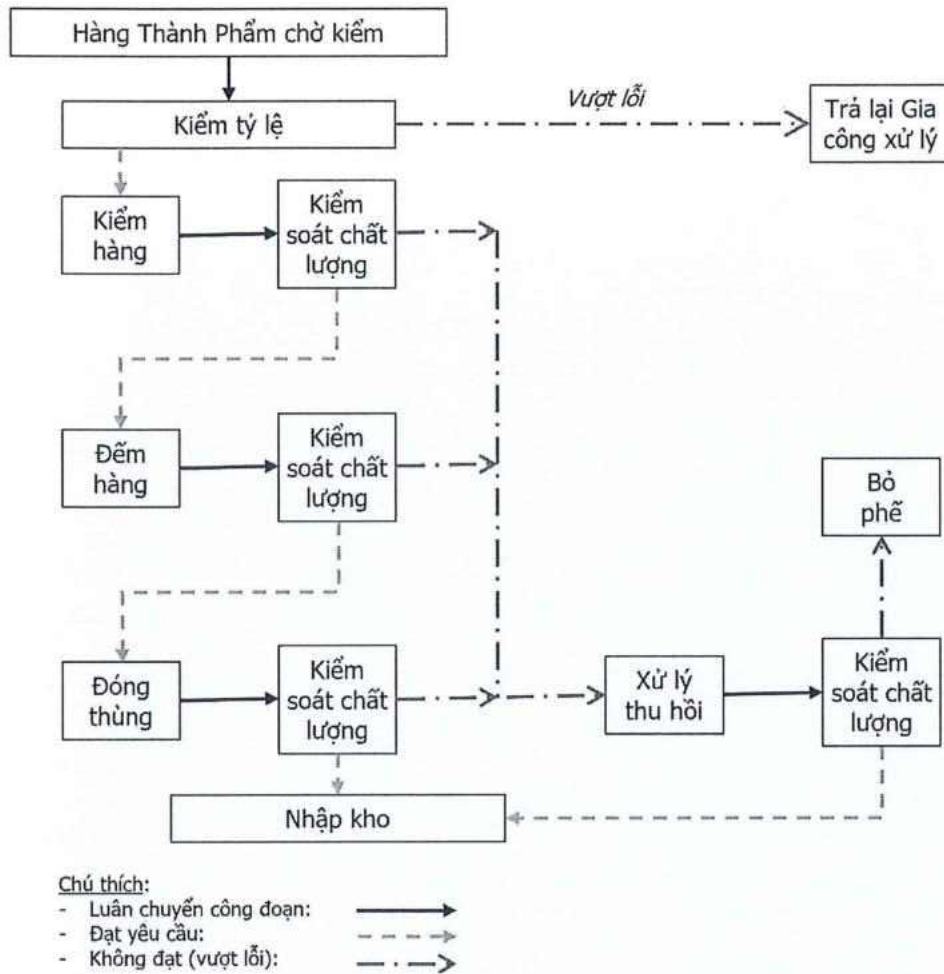
- Phần mềm SIEMEN-NX10, Autocad 2015...;
- Phần mềm CAD: phần mềm thiết kế, chế tạo khuôn mẫu nhựa trên máy tính;
- Phần mềm CAM: phần mềm gia công cơ khí được cài đặt trên máy tính;
- Ứng dụng CNC, máy xung điện, máy cắt dây tia lửa điện,...: những đời máy móc công nghệ cao, hiện đại và có độ chính xác gần như tuyệt đối trong sản xuất khuôn ép nhựa;
- Công nghệ khắc khuôn mẫu laser: giúp việc xử lý vật liệu mà không cần tiếp xúc với tốc độ khắc là 1.500 mm/giây, tăng gấp 30 lần so với phương pháp trước đây. Đặc biệt, sử dụng công nghệ này không làm sản sinh các chất độc hại khi khắc, không gây hại đến môi trường xung quanh như phương pháp khắc axis.

7.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

7.6.1 Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

(Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty được trình bày ở trang sau)

Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận

Chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng luôn là một trong những tiêu chí hàng đầu của Công ty. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến công tác kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn, đặt trọng tâm vào con người và đầu tư máy móc trang thiết bị kiểm tra tiêu chuẩn với độ chính xác tuyệt đối. Vì vậy, các sản phẩm nhựa của Công ty luôn được đánh giá cao và được ưu tiên từ các bạn hàng trong và ngoài nước, có thể xâm nhập được vào cả những thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu,...

Hiện nay, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 chứng nhận vận hành hệ thống quản lý ở phạm vi sản xuất đồ nhựa. ISO 9001 là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng do Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) ban hành. Việc áp dụng ISO 9001 sẽ giúp cho Bình Thuận tạo được cách làm việc khoa học, sự nhất quán trong công việc, chuẩn hóa các quy trình hoạt động, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian và giảm chi phí phát sinh do xảy ra những sai sót trong công việc, đồng thời làm cho năng lực trách nhiệm cũng như ý thức của cán bộ công nhân viên nâng lên rõ rệt. Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty gồm các giai đoạn:

- Hàng thành phẩm nhập từ bộ phận sản xuất về nhập kho thông qua bộ phận kho. Tại đây, bộ phận QC tiến hành đánh giá lô hàng thông qua cách thức kiểm tỷ lệ.
- Bộ phận QC tiến hành đánh giá lô hàng thông qua cách thức kiểm tỷ lệ nếu:
 - + Đủ tiêu chuẩn tiến hành nhập kho;
 - + Vượt tỷ lệ lỗi trả gia công xử lý.

- Thông báo kết quả kiểm đến các cơ sở gia công để kịp thời điều chỉnh lỗi phát sinh;
- Bộ phận kiểm hàng lấy hàng chờ kiểm theo kế hoạch sản xuất thông qua xe nâng vận chuyển;
- Nhân viên chạy chuyên nhận hàng chờ kiểm cấp phát từng vị trí công nhân đứng chuyên thông qua băng tải trên (băng tải cấp nguyên liệu);
- Kiểm hàng 100% dựa vào tiêu chuẩn:
 - + Hàng đạt chuyển băng tải dưới di chuyển về tổ đếm;
 - + Hàng lỗi đếm, bó chuyển lên băng tải trên di chuyển về khu vực xử lý lỗi.
- Bộ phận xử lý lỗi nhận hàng xử lý tiến hành phân tách theo tiêu chuẩn:
 - + Hàng đạt xử lý chuyển tổ đếm;
 - + Hàng phế đếm, cân nhập kho.
- Tổ đếm nhận hàng đạt tiến hành đếm theo quy cách chuyển tổ đóng thùng;
- Bộ phận nhận hàng đếm tiến hành kiểm tra theo tiêu chuẩn, nhập kho.

Ngoài ra, Công ty đã ban hành các quy định, quy chế, các yêu cầu chung về công tác quản lý kỹ thuật bao gồm: mô hình tổ chức của các bộ phận quản lý kỹ thuật, về thiết kế, quy mô công nghệ, chủng loại và yêu cầu thông số kỹ thuật của một số thiết bị trong các công trình xăng dầu, mô hình và cấp độ tự động hóa, hệ thống ứng dụng phần mềm quản lý, tiêu chuẩn và yêu cầu chất lượng sản phẩm xăng dầu của ngành.

Là một doanh nghiệp sản xuất, Công ty hiểu rằng vai trò then chốt của việc quản lý vận hành trong việc đảm bảo sự thành công cho cả Công ty và khách hàng. Hệ thống sản xuất của Công ty được xây dựng và giám sát bởi các cán bộ quản lý có chuyên môn cao về kỹ thuật, đảm bảo chất lượng của sản phẩm ở từng giai đoạn và cam kết rằng sản phẩm sẽ đến tay khách hàng đồng bộ với chất lượng hàng đầu. Ngoài ra, trong mỗi nhà máy của Công ty đều có bộ phận đảm bảo để kiểm tra lại toàn bộ thành phẩm đầu ra, đảm bảo hàng đã xuất khỏi Công ty không ghi nhận bất kỳ lỗi gì.

7.6.2 Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Hoạt động kiểm tra chất lượng của Công ty do Phòng Đảm bảo chất lượng (QA/QC) đảm nhận, chức năng và nhiệm vụ của Phòng QA/QC đã được trình bày tại Mục 3 Phần I.

7.6.3 Một số chứng chỉ quản lý chất lượng hiện có

- ISO 9001:2015 - Quản lý chất lượng sản xuất quốc tế bao gồm hai phân khúc:
 - + Chứng chỉ của Nhật Bản cấp - Dấu Ukas tiêu chuẩn cho hàng hoá xuất khẩu Châu Âu;
 - + Chứng chỉ của Mỹ cấp - Dấu ASCB (E) Tiêu chuẩn cho hàng hoá xuất khẩu Mỹ với các mặt hàng không yêu cầu thực phẩm.
- Chứng chỉ ISO 14000 - Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu môi trường;
- Chứng chỉ GRS: Chứng nhận tiêu chuẩn tái chế toàn cầu. Tiêu chuẩn hàng hoá được công nhận toàn thế giới. bao gồm phạm vi: hệ thống quản lý chất lượng có hàm lượng tái chế; Trách nhiệm môi trường; Trách nhiệm xã hội;
- ATF 16949: Chứng nhận toàn cầu về sản xuất linh kiện kỹ thuật cao; các linh kiện ô tô; hệ thống quản lý chất lượng toàn cầu ngành ô tô.

ISO 9001



ISO 9001-2015



7.7. Hoạt động Marketing

Uy tín, hình ảnh của Công ty cổ phần Nhựa Chất lượng cao Bình Thuận được xây dựng chủ yếu nhờ vào chất lượng sản phẩm, dịch vụ Công ty cung cấp và kinh nghiệm trong các năm qua. Công ty xác định để có được khách hàng, thỏa mãn, duy trì lòng tin và giữ được khách hàng, cũng như mở rộng và ổn định hoạt động kinh doanh thì yếu tố đầu tiên là chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Song, ngoài mục đích trên thì hiệu quả kinh tế, lợi nhuận doanh nghiệp, thu nhập của người lao động là vấn đề mà doanh nghiệp cũng rất quan tâm.

Để đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả, Công ty luôn chú trọng đến hoạt động Marketing. Công ty áp dụng chính sách Marketing khá linh hoạt, tùy vào đối tượng khách hàng/đại lý mà Công ty có chính sách giá cả, phân phối, chiết khấu hợp lý. Đồng thời, Công ty còn triển khai hỗ trợ giao hàng trên toàn quốc bằng đội ngũ xe tải của Công ty, cùng với nhiều chính sách bảo hành sản phẩm, đổi trả thuận lợi. Khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thống; do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng.

Công ty cũng chú trọng Marketing trên internet, website, truyền tải đầy đủ các mặt hàng với nhiều màu sắc, hình ảnh thu hút, cập nhật liên tục các thông tin, giá cả niêm yết,... Trên website của Công ty luôn có nhân viên kinh doanh online 24/7, cùng với đội ngũ chăm sóc khách hàng tận tâm, nhiệt tình chuyên biệt từng tình thành, sẵn sàng trả lời các câu hỏi liên quan đến Công ty, đến các sản phẩm của Công ty hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên có những chương trình ưu đãi, khuyến mãi lớn để tri ân khách hàng. Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, hoạt động tài trợ cho các cuộc thi, chương trình, tham gia hội chợ triển lãm,... giúp xây dựng hình ảnh, củng cố thương hiệu, uy tín của Công ty trong và ngoài địa bàn Thành phố.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tham gia các triển lãm trong và ngoài nước (như Triển lãm VME, Triển lãm GROWTECHEXPO), gửi email và phát tờ rơi giới thiệu sản phẩm đến các doanh nghiệp để quảng bá hình ảnh Công ty và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

7.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



Logo của Công ty: **BINH THUAN QUALITY PLASTIC**

Logo trên dùng làm nhãn hiệu quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục với Cục Sở hữu Trí tuệ xin đăng ký bảo hộ logo và nhãn hiệu của Công ty.

Ý nghĩa logo:

- Về màu sắc: Logo của Công ty sử dụng 2 màu sắc chủ đạo là 2 màu xanh lá cây và màu xanh lam. Màu xanh lá cây - BPG GREEN là biểu hiện của sự sống, sự vận động và phát triển. Màu xanh thứ hai là màu xanh lam - BPG BLUE là biểu hiện của bầu trời, của biển cả, màu của khát vọng vươn lên. Đồng thời, màu xanh lam còn là biểu tượng của sự sáng tạo
- Về các chữ cái: Logo của Công ty bao gồm các chữ cái BQP (tên viết tắt của Công ty) được viết in hoa cùng với hình ảnh cánh bướm cách điệu. Cánh bướm trong gió tượng trưng cho sự phát triển, vươn ra khơi, vượt mọi khó khăn, thử thách, hướng tới những chân trời bao la, rộng lớn. Cánh bướm cũng thể hiện cho hoài bão, khát vọng vươn xa phát triển của Công ty. Cánh bướm còn mang ý nghĩa của sự thuận buồm xuôi gió, mọi việc thuận lợi, mọi khó khăn đều có thể dễ dàng vượt qua. Trong chữ B cũng có sự xuất hiện của số 1. Đây cũng là lời khẳng định mong muốn và nỗ lực của BQP luôn tiên phong về công nghệ và kỹ thuật từ đó trở thành đơn vị dẫn đầu có tiêu chuẩn quốc tế về tính chuyên nghiệp, được lựa chọn là đối tác chiến lược cho các khách hàng trong và ngoài nước.

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và đến quý gần nhất

8.1. Cơ cấu Doanh thu

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	01/04/2023 - 14/04/2024	Tỷ trọng	15/04/2024 - 31/03/2025	Tỷ trọng	Q1/2025	Tỷ trọng
Doanh thu thuần	1.087.049	99,5%	1.211.932	99,8%	277.708	99,6%
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	568.149	52,0%	550.462	45,3%	153.225	54,9%
- Thành phẩm và Dịch vụ gia công	62.434	5,7%	93.353	7,7%	34.760	12,5%
- Kinh doanh thương mại hạt nhựa	453.201	41,5%	559.389	46,0%	88.136	31,6%
- Hoạt động khác	3.265	0,3%	8.728	0,7%	1.587	0,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	5.867	0,5%	2.812	0,2%	1.149	0,4%
Thu nhập khác	127	0,0%	0,07	0,0%	45	0,0%
TỔNG CỘNG	1.093.043	100,0%	1.214.744	100,0%	278.901	100,0%

Nguồn: BQP

Doanh thu thuần giai đoạn từ 15/04/2024 đến 31/03/2025 đạt 1.211,9 tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ. Mức tăng chủ yếu đến từ mảng Kinh doanh thương mại hạt nhựa (tăng 23,4% so với cùng kỳ), chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nguồn thu (46,0%), và mảng Thành phẩm và Dịch vụ gia công (tăng 49,5% so với cùng kỳ), chiếm 7,7% tổng nguồn thu. Ngược lại, Doanh thu thuần của mảng Sản xuất sản phẩm từ nhựa (chiếm 45,3% tổng nguồn thu) giảm 3,1% so với cùng kỳ.

Trong Q1/2025, Công ty ghi nhận doanh thu thuần 277,7 tỷ đồng, trong đó Sản xuất sản phẩm từ nhựa đạt 153,2 tỷ đồng (54,9% tổng nguồn thu), Dịch vụ gia công 34,8 tỷ đồng (12,5% tổng nguồn thu), Thương mại hạt nhựa 88,1 tỷ đồng (31,6% tổng nguồn thu) và Hoạt động khác 1,6 tỷ đồng (0,6% tổng nguồn thu).

Doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nguồn thu của BQP, giai đoạn 15/04/2024 – 31/03/2025 đạt 2,8 tỷ đồng (0,2%), Q1/2025 đạt 1,1 tỷ đồng (0,4%). Tương tự, Thu nhập khác cũng đóng

góp không đáng kể trong cơ cấu nguồn thu của BQP, chỉ 0,07 triệu đồng trong kỳ và 45 triệu đồng trong Q1/2025.

8.2. Cơ cấu chi phí

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	01/04/2023 - 14/04/2024	Tỷ trọng	15/04/2024 - 31/03/2025	Tỷ trọng	Q1/2025	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	1.027.725	96,1%	1.151.281	97,3%	263.752	97,9%
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	528.173	49,4%	516.830	43,7%	145.210	53,9%
- Thành phẩm và Dịch vụ gia công	47.447	4,4%	71.217	6,0%	29.488	10,9%
- Kinh doanh thương mại hạt nhựa	449.936	42,1%	556.271	47,0%	87.768	32,6%
- Hoạt động khác	2.168	0,2%	6.963	0,6%	1.285	0,5%
Chi phí tài chính	24.047	2,2%	14.256	1,2%	1.853	0,7%
Chi phí bán hàng	5.843	0,5%	5.891	0,5%	1.329	0,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.661	1,1%	11.841	1,0%	2.393	0,9%
Chi phí khác	356	0,03%	68	0,01%	155	0,1%
TỔNG CỘNG	1.069.632	100,0%	1.183.337	100,0%	269.483	100,0%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán kỳ 01/04/2023 - 14/04/2024, kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025, BCTC Q1/2025

Tổng chi phí giai đoạn từ 15/04/2024 đến 31/03/2025 đạt 1.183,3 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ, tương ứng với mức tăng doanh thu. Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất (97,3% doanh thu thuần), tăng 12,0% so với cùng kỳ, là yếu tố chính làm tổng chi phí tăng. Ngược lại, chi phí tài chính giảm mạnh từ 24,0 tỷ đồng (chiếm 2,2% tổng chi phí năm 2023) xuống 14,3 tỷ đồng (chiếm 1,2% tổng chi phí năm 2024), góp phần cải thiện kết quả kinh doanh.

Chi phí bán hàng giai đoạn từ 15/04/2024 đến 31/03/2025 đạt 5,9 tỷ đồng, chiếm 0,5% tổng chi phí. Chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức 11,8 tỷ đồng (chiếm 1,0% tổng chi phí). Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp duy trì ở mức thấp và ổn định, chỉ chiếm khoảng 0,5-1,1% tổng chi phí qua các kỳ. Điều này phản ánh đặc thù hoạt động B2B của Công ty, khi khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp với hợp đồng lớn, ít phát sinh chi phí tiếp thị và phân phối, đồng thời phản ánh bộ máy quản trị tinh gọn, khả năng kiểm soát chi phí hiệu quả, ít tạo áp lực lên lợi nhuận.

Trong Q1/2025, tổng chi phí của Công ty đạt 269 tỷ đồng, tương đương 97,9% Doanh thu thuần. Trong đó, Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng áp đảo với 263,8 tỷ đồng, còn lại là Chi phí tài chính 1,9 tỷ đồng, Chi phí bán hàng 1,3 tỷ đồng, Chi phí quản lý doanh nghiệp 2,4 tỷ đồng và Chi phí khác 0,2 tỷ đồng. Cơ cấu này phản ánh đặc thù chi phí tập trung chủ yếu ở giá vốn, trong khi các khoản chi phí khác được kiểm soát ở mức thấp.

8.3. Cơ cấu lợi nhuận

CHỈ TIÊU	01/04/2023 - 14/04/2024	Biên lợi nhuận	15/04/2024 - 31/03/2025	Biên lợi nhuận	Q1/2025	Biên lợi nhuận
Lợi nhuận gộp	59.324	5,5%	60.651	5,0%	13.956	5,0%
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	39.975	7,0%	33.632	6,1%	-15,9%	5,2%
- Thành phẩm và Dịch vụ gia công	14.987	24,0%	22.135	23,7%	47,7%	15,2%

CHỈ TIÊU	01/04/2023 - 14/04/2024	Biên lợi nhuận	15/04/2024 - 31/03/2025	Biên lợi nhuận	Q1/2025	Biên lợi nhuận
- Kinh doanh thương mại hạt nhựa	3.265	0,7%	3.119	0,6%	-4,5%	0,4%
- Hoạt động khác	1.096	33,6%	1.765	20,2%	61%	19,0%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.640	2,2%	31.475	2,6%	9.529	3,4%
Lợi nhuận trước thuế	23.411	2,2%	31.407	2,6%	9.419	3,4%
Lợi nhuận sau thuế	21.174	1,9%	28.729	2,4%	8.461	3,0%

Trong giai đoạn 15/04/2024 – 31/03/2025, Công ty ghi nhận lợi nhuận gộp 60,7 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận gộp ở mức 5,0%. Trong đó, mảng Sản xuất sản phẩm nhựa đóng vai trò chủ lực với mức đóng góp là 33,6 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận 6,1%. Kể đến là dịch vụ gia công, mang lại 22,1 tỷ đồng với biên lợi nhuận 23,7%, thể hiện sự đóng góp ngày càng quan trọng trong cơ cấu lợi nhuận. Trong khi đó, mảng kinh doanh hạt nhựa chỉ ghi nhận 3,1 tỷ đồng với biên lợi nhuận khiêm tốn 0,6%, còn các hoạt động khác đạt 1,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng nhỏ với biên lợi nhuận 20,2%. Công ty ghi nhận lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 31,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 31,4 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 28,7 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận ròng 2,4%. Mặc dù biên lợi nhuận gộp có xu hướng giảm so với kỳ trước, nhưng nhờ kiểm soát tốt chi phí và đặc biệt là giảm chi phí lãi vay, hiệu quả kinh doanh chung vẫn được cải thiện.

Bước sang quý 1/2025, Công ty ghi nhận lợi nhuận gộp 14,0 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp duy trì ổn định ở mức 5,0%; trong đó sản xuất sản phẩm nhựa đóng góp 8,0 tỷ đồng, dịch vụ gia công 5,3 tỷ đồng, còn mảng kinh doanh hạt nhựa và các hoạt động khác đóng góp lần lượt 368,0 triệu đồng và 301,7 triệu đồng. Kết quả này giúp Công ty đạt lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 9,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 9,4 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 8,5 tỷ đồng, tương ứng với biên lợi nhuận ròng ở mức 3,0%.

9. Vị thế của công ty trong ngành

9.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

So sánh chỉ tiêu tài chính năm 2024 (*) với một số doanh nghiệp¹ cùng ngành

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	BQP	AAA	APH	DNP	ECO	NHH	TDP
Tổng tài sản	Tỷ đồng	527	13.768	13.445	17.673	315	1.930	3.944
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	151	6.236	5.919	6.075	224	1.357	1.020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.212	12.782	14.193	8.898	454	2.097	4.379
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	29	320	310	192	14	88	94
EPS	Đồng/cp	1.915	964	488	336	705	1.180	1.087
BVPS	Đồng/cp	10.053	16.314	24.271	43.097	11.220	18.613	11.561
ROA		5,1%	2,9%	0,9%	0,3%	4,9%	4,3%	2,5%

¹ AAA: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (HOSE); APH: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (HOSE); DNP: Công ty Cổ phần DNP Holding (HNX); ECO: Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam (UPCoM); NHH: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (HOSE); TDP: Công ty Cổ phần Thuận Đức (HOSE).

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	BQP	AAA	APH	DNP	ECO	NHH	TDP
ROE		19,0%	6,0%	2,0%	0,8%	6,5%	6,3%	10,0%

Nguồn: BQP, Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2024 của các công ty

Ghi chú (*): Công ty đang lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 (ngày chính thức chuyển đổi loại hình) đến ngày 31/03/2025. Để thuận tiện cho việc so sánh, Công ty trình bày kết quả của kỳ kế toán này như kết quả hoạt động của năm tài chính 2024 và so sánh trực tiếp với kết quả hoạt động năm tài chính 2024 của các doanh nghiệp khác.

Các công ty (có cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch) được lựa chọn để so sánh về quy mô và hiệu quả hoạt động với Công ty trong năm 2024 là những doanh nghiệp cùng lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ nhựa. Công ty hiện đang xếp ở vị trí 6/7 về giá trị tổng tài sản và 7/7 về vốn chủ sở hữu trong danh sách nêu trên.

So sánh kết quả kinh doanh trong năm 2024, Công ty có kết quả khiêm tốn về quy mô Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế khi đều đứng ở vị trí 6/7. Tuy nhiên khi xét về hiệu quả sinh lợi, thể hiện ở các chỉ tiêu ROA và ROE, Công ty hiện thuộc nhóm các công ty đạt hiệu quả tốt nhất khi các chỉ tiêu này đứng đầu trong bảng tổng hợp trên.

Như vậy có thể thấy Công ty có quy mô nhỏ khi so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành, tuy nhiên lại có hiệu quả kinh doanh ấn tượng. Các đặc điểm này thể hiện tương ứng khi xét về nhóm Chỉ số trên mỗi cổ phần, với chỉ số BVPS xếp ở vị trí 7/7 nhưng chỉ số EPS xếp ở vị trí 1/7.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nhà nhựa được kỳ vọng sẽ duy trì đà tăng trưởng trong giai đoạn 2025 - 2029:

Nhà nhựa được dùng làm vật liệu sản xuất cho nhiều loại vật dụng góp phần quan trọng vào phục vụ đời sống con người cũng như phục vụ cho sự phát triển của nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế khác như: điện - điện tử, viễn thông, giao thông vận tải, thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp,... Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, nhựa còn được ứng dụng và trở thành vật liệu thay thế cho những vật liệu truyền thống tương chừng như không thể thay thế được là gỗ, kim loại, silicat,... Do đó, ngành công nghiệp nhựa ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống cũng như sản xuất của các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Theo "Báo cáo phân tích quy mô và thị phần ngành nhựa Việt Nam – xu hướng tăng trưởng và dự báo cho giai đoạn 2024-2029"² của Mordor Intelligence, quy mô thị trường nhựa Việt Nam ước tính đạt 10,92 triệu tấn vào năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 16,36 triệu tấn vào năm 2029, tăng trưởng với tốc độ kép (CAGR) đạt 8,44% trong giai đoạn 2024 – 2029. Có thể thấy, ngành nhựa Việt Nam là một trong các ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng tương đối nhanh so với nền kinh tế nói chung khi mà tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023-2024 chỉ ở mức 65,05% - 7,09%.

Xu hướng chuyển dịch sản xuất của các doanh nghiệp từ Trung Quốc sang Việt Nam sẽ tạo động lực cho tăng trưởng cho ngành nhựa:

Việc dịch chuyển sản xuất khỏi Trung Quốc đã được tiến hành kể từ khi phát sinh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vào năm 2018. Đại dịch COVID-19 trong giai đoạn 2021 - 2022 tiếp nối đã thúc đẩy quá trình dịch chuyển dây chuyền sản xuất để tránh sự đứt gãy chuỗi cung ứng khi quá tập trung vào một vị trí địa lý. Trước tình hình này, Việt Nam nhờ vào địa lý chiến lược và các tiêu chuẩn cơ bản được cải thiện, nổi lên như một điểm đến thay thế hấp dẫn. Làn sóng chuyển dịch sản xuất cũng đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu các chuỗi liên kết để phục vụ cho sản xuất công nghiệp. Ở khía cạnh sản xuất công nghiệp hỗ trợ, các doanh nghiệp nhựa có cơ hội tham gia sâu vào chuỗi cung ứng khép kín của doanh nghiệp FDI.

Ngoài ra, 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đang có hiệu lực tạo điều kiện cho ngành nhựa Việt Nam có thể (1) dễ dàng tiếp cận các nguồn nguyên liệu từ các khu vực trên thế giới trong bối cảnh nguyên liệu sản

² <https://www.mordorintelligence.com/industry-reports/vietnam-plastics-market>

xuất trong nước không thể đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ (2) có khả năng mở rộng các thị trường xuất khẩu sản phẩm nhựa đặc biệt là thị trường Nhật Bản và EU.

Ưu đãi chính sách và xu hướng cải thiện năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa, giảm bớt phụ thuộc vào nhập khẩu:

Những năm gần đây, các doanh nghiệp trong nước đã nỗ lực hơn để tham gia vào lĩnh vực sản xuất nguyên liệu đầu vào cho ngành nhựa. Quyết định số 2992/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 với nhiều ưu đãi về tài chính, nguồn vốn, thuế đã hỗ trợ không nhỏ cho ngành công nghiệp phụ trợ đầy tiềm năng này. Theo đó, mục tiêu phát triển ngành nhựa Việt Nam trong các năm tới sẽ trở thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, từng bước xây dựng và phát triển ngành nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, tận dụng và xử lý phế liệu phát sinh, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, có khả năng hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới. Điều này cho thấy ngành Nhựa sẽ được tạo nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất, tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu.

Tại Đại hội nhiệm kỳ VII (2023-2028) của Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA) được tổ chức ngày 25/10/2023³, thông tin từ VPA cho biết Ngành nhựa Việt Nam sẽ giảm bớt phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu trong những năm tới nhờ cải thiện trong năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa trong nước. Trong đó, Nhà máy hóa dầu Long Sơn, Nhà máy hóa dầu Dung Quất, Nhà máy hóa dầu SCG và Nhà máy sản xuất nhựa Hyosung là các nhà máy cung cấp nguyên liệu đáp ứng hơn 30% nhu cầu nguyên liệu trong nước hiện nay, giúp tỷ lệ nhập khẩu nguyên liệu nhựa của Việt Nam sẽ giảm xuống ở mức khoảng 65 - 70%. Điều này đồng nghĩa các doanh nghiệp nhựa Việt Nam có cơ hội giảm thiểu chi phí sản xuất cũng như rủi ro tỷ giá thông qua hoạt động nhập khẩu nguyên liệu để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận tự hào là nơi tập trung đội ngũ năng động, chuyên nghiệp và có chuyên môn cao. Tính đến ngày 30/06/2025, tổng số nhân sự toàn hệ thống là 141 người.

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	31/03/2025		30/06/2025	
	SỐ LƯỢNG	TỶ TRỌNG	SỐ LƯỢNG	TỶ TRỌNG
Theo trình độ học vấn	139	100,0%	141	100,0%
<i>Đại học</i>	<i>33</i>	<i>23,7%</i>	<i>29</i>	<i>20,6%</i>
<i>Cao đẳng</i>	<i>12</i>	<i>8,6%</i>	<i>12</i>	<i>8,5%</i>
<i>Trung cấp</i>	<i>10</i>	<i>7,2%</i>	<i>10</i>	<i>7,1%</i>
<i>Khác</i>	<i>84</i>	<i>60,4%</i>	<i>90</i>	<i>63,8%</i>
Theo loại hợp đồng lao động	139	100,0%	141	100,0%
<i>Hợp đồng không xác định thời hạn</i>	<i>24</i>	<i>17,3%</i>	<i>38</i>	<i>27,0%</i>
<i>Hợp đồng có xác định thời hạn</i>	<i>91</i>	<i>65,5%</i>	<i>91</i>	<i>64,5%</i>
<i>Thời vụ, thử việc</i>	<i>24</i>	<i>17,3%</i>	<i>12</i>	<i>8,5%</i>
Thông kê theo giới tính	139	100,0%	141	100,0%

³ Thông tin từ Đại hội nhiệm kỳ VII (2023-2028) của Hiệp hội Nhựa Việt Nam: <https://vpas.vn/thong-tin/tin-tuc/dai-hoi-hiep-hoi-nhua-viet-nam-nhiem-ky-vii-2023-2028.html>

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	31/03/2025		30/06/2025	
	SỐ LƯỢNG	TỶ TRỌNG	SỐ LƯỢNG	TỶ TRỌNG
Nam	83	59,7%	84	59,6%
Nữ	56	40,3%	57	40,4%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận

10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

10.2.1 Chính sách đào tạo

- Đào tạo nhân sự mới: Để hỗ trợ nhân viên mới nhanh chóng làm quen, hòa nhập với môi trường làm việc cũng như công việc, bộ phận nhân sự và các bộ phận chuyên môn liên quan sẽ thực hiện đào tạo ban đầu giúp nhân viên mới hiểu về nội quy, chính sách, cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như những nghiệp vụ chuyên môn liên quan.
- Đào tạo nghiệp vụ: Trong suốt quá trình làm việc tại công ty, nhân viên nhiều kinh nghiệm sẽ theo sát, hướng dẫn công việc cho nhân viên mới/ nhân viên có ít kinh nghiệm hơn. Ngoài ra hằng năm, công ty thường xuyên tổ chức, thuê chuyên gia bên ngoài tổ chức các chương trình huấn luyện chuyên sâu về kỹ năng chuyên môn cũng như các kỹ năng mềm, phù hợp với từng bộ phận để hỗ trợ nâng cao hiệu quả trong quá trình làm việc.
- Đào tạo nghiệp vụ quản trị điều hành: Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác điều hành, Công ty luôn tạo điều kiện cho các thành viên ban điều hành được đào tạo chuyên sâu về công tác quản trị nhằm nâng cao hiệu quả, vai trò của người quản lý.

10.2.2 Chính sách tiền lương

Công ty thực hiện dựa trên mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước, sẽ được thay đổi khi các quy định về lương tối thiểu của luật và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét điều chỉnh lương định kỳ hàng năm dựa vào kết quả đánh giá lại năng lực theo hiệu quả công việc (KPIs) trong năm đối với mỗi cá nhân lao động.

10.2.3 Chính sách thưởng

Dựa vào hệ thống đánh giá KPIs, Công ty thực hiện các mức thưởng cho người lao động. Cụ thể, hằng năm, công ty có các kỳ đánh giá kết quả làm việc của toàn thể cán bộ nhân viên dựa vào KPIs đã được đề ra từ đầu năm. Mức thưởng sẽ dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của năm. Ngoài ra Công ty cũng thực hiện thưởng đột xuất khi CBNV có thành tích xuất sắc.

10.2.4 Chính sách phúc lợi

Công ty phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở để xây dựng và ban hành các Chính sách phúc lợi áp dụng thống nhất trong toàn Công ty định kỳ hàng năm xem xét điều chỉnh, bổ sung nhằm tạo mức phúc lợi tốt nhất cho CBNV; qua đó tạo ra môi trường làm việc lý tưởng, duy trì đời sống sức khỏe, tinh thần của mọi người, góp phần tạo động lực, khích lệ CBNV đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Công ty. Các chính sách lớn có thể kể đến là:

- Chính sách chăm sóc sức khỏe: Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Nhà nước như BHXH, BHYT, BHTN. Hằng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ toàn CBNV.
- Các hoạt động phong trào, du lịch nghỉ dưỡng: Hằng năm, Công ty sẽ tổ chức các hoạt động phong trào cho CBNV, tạo điều kiện để tất cả CBNV cơ hội rèn luyện thể chất, tinh thần để làm việc tốt hơn. Không chỉ có vậy, đây là dịp để mọi người trong Công ty có thể gặp mặt, trao đổi, nâng cao sự gắn kết giữa các phòng ban trong Công ty. Ngoài ra, tùy thuộc vào mục tiêu và kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ

hỗ trợ các hoạt động Team Building - nghỉ dưỡng cho CBNV và tài trợ du lịch thường niên cho CBNV và gia đình CBNV.

- Chính sách khác: Công ty còn có những trợ cấp khác như trợ cấp thăm hỏi khi ốm đau, gia đình có tang; gia đình gặp khó khăn đặc biệt, nữ sinh con hoặc chồng có vợ sinh con, trợ cấp hỗ trợ công việc như phụ cấp điện thoại, tiền ăn trưa, chính sách hỗ trợ cho CBNV gần bó với Công ty.

11. Chính sách cổ tức

11.1. Chính sách liên quan đến việc trả cổ tức

Công ty không thực hiện chi trả cổ tức trong hơn 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký công ty đại chúng. Sau khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần, Ban Điều hành Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và đáp ứng được các điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.

Công ty thực hiện chia lợi nhuận trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký công ty đại chúng. Các thành viên góp vốn được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

11.2. Tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm gần nhất

Cho kỳ hoạt động từ 15/04/2024 - 31/03/2025, Công ty đã trả cổ tức với tỷ lệ chi trả theo mệnh giá là: 19,4%.

12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất

12.1. Tình hình công nợ

a) Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU	14/04/2024	31/03/2025	+/-%	30/06/2025
I	CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	172.127	170.829	-0,8%	225.313
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	160.741	168.987	5,1%	223.234
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.425	692	-93,9%	1.109
3	Phải thu ngắn hạn khác	1.599	5.248	228,2%	5.068
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (**)	(1.638)	(4.098)	150,1%	(4.098)
II	CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	331	159	-51,9%	159
1	Phải thu dài hạn khác	331	159	-51,9%	159
	TỔNG CỘNG	172.458	170.988	-0,9%	225.473

Nguồn: BCTC đã kiểm toán kỳ 01/04/2023 - 14/04/2024, kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025, BCTC Q1/2025

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 14/04/2024, 31/03/2025 và 30/06/2025, Công ty có các khoản Phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU	14/04/2024	31/03/2025	+/-%	30/06/2025
I	Phải thu bên liên quan	98.961	51.607	-48%	77.013
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Bình Thuận	94.036	-	-100%	26.884
2	Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	1.525	49.390	3139%	50.129
3	Công ty Cổ phần BPG SHINNIHON (trước đây là Công ty TNHH Nhựa Đông Hải)	1.103	-	-100%	-
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Nam Sơn Tân Uyên	2.297	2.217	-3%	-
II	Phải thu khách hàng khác	61.780	117.380	90%	146.221
5	Công ty Cổ phần Công nghiệp Techcom	14.779	16.444	11%	26.597
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Plus Việt Nam	5.702	3.756	-34%	7.213
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành	1.566	28.230	1702%	27.277
8	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc Dân Phát	10.277	-	-100%	1.983
9	Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành	7.614	3.469	-54%	3.994
10	Công ty TNHH Thái Sơn Minh Đăng	-	11.484		-
11	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Công nghệ Tú Uyên	-	19.544		13.884
12	Các khách hàng khác	21.841	34.454	58%	65.273
	TỔNG CỘNG	160.741	168.987	5%	223.234

Nguồn: BCTC đã kiểm toán kỳ 01/04/2023 - 14/04/2024, kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025, BCTC Q1/2025

(**) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 14/04/2024 và 30/06/2025, Công ty có các khoản phải thu khó đòi như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Các khoản nợ phải thu quá hạn	14/04/2024		30/06/2025		Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng			
Công ty TNHH Cơ khí và Dịch vụ Thương mại Sơn Thủy	78	78	78	78	> 3 năm	Đặt cọc cho nhà cung cấp, chưa nghiệm thu hoàn thành	Không có khả năng thu hồi
CTCP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam	17	17	17	17	> 3 năm	Đặt cọc cho nhà cung cấp, chưa nghiệm thu hoàn thành	Không có khả năng thu hồi

Các khoản nợ phải thu quá hạn	14/04/2024		30/06/2025		Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng			
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	62	62	-	-	-		Đã hoàn tất
Công ty TNHH Sản xuất Hà Thanh	126	-	126	126	>3 năm	Đặt cọc cho nhà cung cấp đã lâu chưa thu hồi được	Không có khả năng thu hồi
SMC Electric (HK) Limited	4.216	1.265	4.216	2.951	2 – 3 năm	Khách hàng nước ngoài, chậm dứt hợp đồng	Không có khả năng thu hồi
SMC Multi – Media Trading Co.,Ltd	719	216	719	503	2 – 3 năm	Khách hàng nước ngoài, chậm dứt hợp đồng	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Hưng Gia Việt	845	-	845	423	1 – 2 năm	Khách hàng trong nước, chậm dứt hợp đồng	Không có khả năng thu hồi
TỔNG	6.063	1.638	6.001	4.098			

Nguồn: BQP

b) Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ	14/04/2024	31/03/2025	+/-%	30/06/2025
I	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN	419.912	375.429	-10,6%	403.415
1	Phải trả người bán ngắn hạn (*)	169.742	228.444	34,6%	248.325
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.161	-	-100,0%	1.403
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.200	2.778	26,3%	3.729
4	Phải trả người lao động	-	1.472	-	1.638
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.298	455	-80,2%	310
6	Phải trả ngắn hạn khác	4.656	17.104	267,3%	17.214
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (**)	237.855	125.176	-47,4%	130.796
II	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ DÀI HẠN	22.446	427	-98,1%	267
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (**)	22.446	427	-98,1%	267
	TỔNG CỘNG	442.357	375.856	-15,0%	403.682

Nguồn: BCTC đã kiểm toán kỳ 01/04/2023 - 14/04/2024, kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025, BCTC Q1/2025

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 14/04/2024, 31/03/2025 và 30/06/2025, Công ty có các khoản Phải trả người bán ngắn hạn như sau:

STT	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ	14/04/2024	31/03/2025	+/-%	30/06/2025
I	Phải trả bên liên quan	135.796	201.153	47,5%	220.383
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	132.971	188.974	48,1%	177.146
2	Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	713	-	42,1%	0
3	Công ty TNHH Nhựa Khôi Việt	-	289	-100,0%	289
4	Công ty Cổ phần Khuôn mẫu nhựa Việt Nam	1.382	9.283		12.964
5	Công ty Cổ phần BPG Logisall	731	915	571,9%	1.269
6	Công ty Cổ phần BPG Trading	-	1.692	25,2%	1451
7	Công ty Cổ phần BPG Shinnihon	-	-		27.264
II	Phải trả người bán khác	33.945	27.291	-19,6%	27.942
1	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Baltic	8.022	8.022	0,0%	8,022
2	Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Bason	10.602	5.906	-44,3%	-
3	Công ty Cổ phần Á Đông ADG	0	2.640		2,640
4	Các nhà cung cấp khác	15.322	10.724	-30,0%	17,280
	TỔNG CỘNG	169.742	228.444	34,1%	248.325

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận.

(**) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 14/04/2024, 31/03/2025 và 30/06/2025, Công ty có các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	14/04/2024	31/03/2025	+/-%	30/06/2025
I. DƯ NỢ NGẮN HẠN	237.856	125.176	-47,4%	130.796
Các khoản vay ngắn hạn	226.305	124.078	-45,2%	129.937
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	9.730	-	-100,0%	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	1.821	1.098	-39,7%	859
II. DƯ NỢ DÀI HẠN	22.445	427	-98,1%	267
Các khoản vay dài hạn	20.920	-	-100,0%	-
Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn	1.525	427	-72,0%	267
TỔNG CỘNG	260.301	125.603	-51,7%	131.062

Nguồn: BCTC đã kiểm toán kỳ 01/04/2023 - 14/04/2024, kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025, BCTC Q1/2025

Thông tin về dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng tại ngày 31/03/2025 và 30/06/2025

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/03/2025	30/06/2025	THỜI HẠN VAY	LÃI SUẤT (%/năm)
I. VAY NỢ NGẮN HẠN	124.078	129.937		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	53.864	59.993	Từ ngày 02/01/2025 đến hết ngày 03/11/2025	6,3% - 6,5%
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	29.896	29.802	13 tháng kể từ ngày 15/11/2024	5,6% - 6,0%
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	16.959	16.783	12 tháng kể từ ngày 16/10/2024	6,9% - 16,0%
- Ngân hàng Woori Việt Nam	23.359	23.359	12 tháng kể từ ngày 25/01/2024	Lãi suất thả nổi
II. NỢ DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ	-	-		
III. VAY NỢ DÀI HẠN	-	-		
TỔNG CỘNG	124.078	129.937		

Nguồn: BCTC kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025 đã kiểm toán, BCTC Q1/2025, BQP

Thông tin về dư nợ của các khoản nợ thuê tài chính tại ngày 31/03/2025 và 30/06/2025

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/03/2025	30/06/2025	TÀI SẢN THUÊ	THỜI HẠN
I. NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ	1.098	859		
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumi trust	571	571	Máy ép nhựa BM260-MT đã qua sử dụng	48 tháng
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chalease	70	70	02 Robot công nghiệp	42 tháng
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	457	218	- Máy nghiền nhựa model KESD-32120 mới 100%	36 tháng
			- Xe ô tô Hyundai Solati, mới 100%	48 tháng
			- Xe ô tô Kia Carnival, mới 100%	
			- 02 xe nâng Heli CPD25 đã qua sử dụng - 01 xe nâng Heli CPD35 đã qua sử dụng	36 tháng
			- 02 xe ô tô tải pick up ISUZU, mới 100%	48 tháng
II. NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	427	267		
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust	333	191	Như trên	Như trên

CHỈ TIÊU	31/03/2025	30/06/2025	TÀI SẢN THUÊ	THỜI HẠN
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	94	76	Như trên	Như trên
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-		Như trên	Như trên
TỔNG CỘNG	1.525	1.126		

Nguồn: BCTC kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025 đã kiểm toán, BCTC Q1/2025, BQP

12.2. Các khoản phải nộp theo luật định và việc tuân thủ quy định pháp luật

Công ty thực hiện nghiêm túc việc hạch toán đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp đối với các khoản Thuế giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện thanh toán các khoản thuế phải nộp đúng thời hạn. Các khoản thuế, phí phải nộp theo luật định tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán tại ngày 14/04/2024, 31/03/2025 và 30/06/2025 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	14/04/2024	31/03/2025	+/-%	30/06/2025
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	2.200	2.762	25,5%	3.719
2	Thuế thu nhập cá nhân	(23)	16	-169,6%	9
	TỔNG CỘNG	2.177	2.778	27,6%	3.728

Nguồn: BCTC đã kiểm toán kỳ 01/04/2023 - 14/04/2024, kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025, BCTC Q1/2025

(*) Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận được miễn thuế TNDN trong 02 năm đầu tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2020) và được giảm 50% đối với thuế suất TNDN áp dụng cho Công ty trong 04 năm tiếp theo. Do vậy, Công ty được miễn thuế TNDN trong năm 2020 và 2021 và hưởng thuế suất 10% từ năm 2022 đến năm 2025.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Tại ngày 30/06/2025, số dư Thuế bao gồm:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước: 0 đồng
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 2.777.682.060 đồng

12.3. Trích lập các quỹ

Về chính sách, Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và pháp luật hiện hành. Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

Trong năm 2023 và năm 2024, Công ty không trích lập các quỹ.

12.4. Các sự kiện có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

12.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	15/04/2024 – 31/03/2025	15/04/2024 – 31/03/2025	+/-%	Q1/2025
1	Tổng tài sản	593.531	526.658	-11,3%	562.945
2	Nợ phải trả	442.357	375.856	-15,0%	403.682
3	Vốn chủ sở hữu	151.174	150.802	-0,2%	159.264
4	Doanh thu thuần	1.087.049	1.211.932	11,5%	277.708
5	Lợi nhuận sau thuế (*)	21.174	28.729	35,7%	8.461
6	BVPS (đồng/cổ phiếu)	10.078	10.053	-0,2%	10.618

Nguồn: BCTC đã kiểm toán kỳ 01/04/2023 - 14/04/2024, kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025, BCTC Q1/2025

(*) Lợi nhuận sau thuế năm tài chính 15/04/2024 – 31/03/2025 đạt 28,7 tỷ đồng, tăng 7,6 tỷ đồng (+35,7%) so với mức 21,2 tỷ đồng của kỳ trước. Mức tăng này chủ yếu nhờ Doanh thu thuần tăng 124,9 tỷ đồng (+11,5%, từ 1.087,0 tỷ đồng lên 1.211,9 tỷ đồng) và và chi phí được tiết giảm, đặc biệt là chi phí tài chính.

13. Tài sản cố định

Danh mục các Tài sản lớn tại ngày 31/03/2025 và 30/06/2025

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÀI SẢN	31/03/2025		30/06/2025	
		NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
I	Tài sản cố định hữu hình	193.997	117.095	195.560	113.449
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	72.903	55.146	72.903	54.179
	Nhà xưởng	37.645	28.547	37.645	28.077
	Hệ thống cơ điện	15.082	11.437	15.082	11.248
	Công trình phụ trợ	8.297	6.292	8.297	6.188
	Phòng cháy chữa cháy	5.276	3.988	5.276	3.895
	Nhà cửa và vật kiến trúc khác	6.604	4.883	6.604	4.771
2	Máy móc thiết bị	119.021	61.121	119.218	57.693

STT	TÀI SẢN	31/03/2025		30/06/2025	
		NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
	Máy ép nhựa	19.101	10.656	19.101	10.165
	Khuôn	89.413	45.441	89.313	42.584
	Máy móc thiết bị khác	10.508	5.024	10.804	4.944
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	559	189	1.926	997
	Xe nâng	453	140	1.819	951
	Xe khách	-	-	-	-
	Hệ thống Internet	106	49	106	45
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	235	74	235	64
	Laptop	38	-	38	-
	Camera	197	74	197	64
5	Tài sản cố định khác	1.278	564	1.278	515
II	Tài sản cố định thuê tài chính	7.680	3.987	6.318	2.814
1	Phương tiện vận tải	3.803	2.144	2.441	1.191
	Xe tải	1.213	635	1.213	592
	Ô tô	1.228	643	1.228	599
	Phương tiện vận tải khác	1.362	865	-	-
2	Máy móc thiết bị	3.877	1.843	3.877	1.623
	Máy ép nhựa	2.645	1.015	2.645	850
	Máy nghiền	934	623	934	589
	Máy móc thiết bị khác	299	205	299	184
	TỔNG CỘNG	201.676	121.081	201.878	116.263

Nguồn: BQP, BCTC kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025 đã kiểm toán, BCTC Q1/2025, BQP

14. Các dự án của Công ty

Không có.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	KẾ HOẠCH 2025	+/- % (*)
1	Doanh thu thuần (*)	1.211.932	1.390.000	14,7%
2	Lợi nhuận sau thuế (*)	28.729	29.800	3,7%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	2,4%	2,1%	-9,6%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	19,0%	16,3%	-14,3%
5	Tỷ lệ cổ tức (theo mệnh giá) (*)	19,4%	10,0%	-48,5%
6	Vốn điều lệ	150.000	185.000	23,33%

Nguồn: BQP

(*) Các chỉ tiêu này được Hội đồng quản trị xây dựng và dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 theo quy định pháp luật. Công ty dự kiến họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 ngày 28/10/2025

Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

- Công ty một mặt vừa xác định vẫn đảm bảo sự ổn định của các cấu trúc sản phẩm hiện có, mặt khác chủ trương tập trung nguồn lực để đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm pallet nhựa. Đây là chiến lược đón đầu sự phát triển các khu công nghiệp đang ngày càng phát triển tại miền Bắc;
- Đội ngũ nhân sự với nhiều năm kinh nghiệm và mối quan hệ của Ban Điều hành Công ty với các đối tác và khách hàng;
- Triển vọng phát triển khả quan của thị trường nhựa;
- Cơ sở hạ tầng hiện có đã được đầu tư của Công ty;
- Chiến lược kinh doanh linh hoạt và phù hợp với điều kiện thị trường của Ban Điều hành;

Đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh:

- Theo Báo cáo tài chính Q1/2025, tính đến ngày 30/06/2025, Công ty ghi nhận Doanh thu thuần đạt 277,7 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 8,5 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 20,0% và 28,4% kế hoạch kinh doanh năm 2025.
- Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các khách hàng hiện hữu để mở rộng đơn hàng, đồng thời tìm kiếm và ký kết với các khách hàng mới. Công ty dự kiến nắm bắt nhu cầu gia tăng đơn hàng của các khách hàng trong giai đoạn cao điểm xuất khẩu và tiêu dùng cuối năm thông qua việc cung ứng các sản phẩm nhựa công nghiệp, nông nghiệp. Đồng thời, Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động gia công chi tiết, linh kiện và phụ kiện nhựa cho các ngành thực phẩm, điện tử,... Song song, hoạt động kinh doanh hạt nhựa tiếp tục được triển khai ổn định theo nhu cầu thị trường. Trên cơ sở tiến độ thực hiện kế hoạch hiện tại, Công ty có cơ sở để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2025: Ngày 30/08/2025, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã thông qua Nghị quyết số 03-08/2025/NQ-BQP về Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận. Theo đó, thông tin về Phương án chào bán như sau:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 3.500.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phiếu

- Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 23,33%
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 30 : 7
- Tại ngày chốt danh sách (ngày đăng ký cuối cùng), cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua và cứ 30 quyền mua sẽ được mua 7 cổ phiếu mới.
- Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 52.500.000.000 đồng.
- Thời gian dự kiến chào bán: Công ty đã trình hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Dự kiến sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo quy định hiện hành.
- Phương thức phân phối: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
- Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng:
 - + Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng dự kiến là 52.500.000.000 đồng sẽ được sử dụng cho việc bổ sung vốn lưu động (*Thanh toán tiền mua hàng tồn kho; Thanh toán công nợ cho nhà cung cấp; Trả nợ vay ngân hàng; Trả nợ thuế, và các khoản phải trả Nhà nước khác;...*) phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh.
 - + Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án sử dụng số tiền từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung: Chi tiết tỷ trọng phân bổ/ hoặc số tiền cụ thể phân bổ cho mỗi mục đích sử dụng vốn, thứ tự phân bổ ưu tiên và thời gian sử dụng phù hợp cho mỗi mục đích sử dụng vốn.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)

Tại thời điểm của Bản công bố thông tin này, Công ty Cổ phần Nhựa Chất Lượng Cao Bình Thuận không có bất kỳ những cam kết nhưng chưa thực hiện, cũng như Công ty không có bất kỳ trái phiếu chưa đáo hạn, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay và các cam kết khác.

17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Công ty luôn thiết lập mối quan hệ gắn bó bền vững với các khách hàng cũ và mở rộng không ngừng quan hệ hợp tác với các khách hàng mới trong và ngoài nước trên các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình:

Chiến lược dài hạn:

- **Về kinh doanh:**
 - + Ưu tiên phát triển Công ty lớn mạnh tập trung vào các lĩnh vực chủ lực: Nhựa công nghiệp và Vật tư công nghiệp;
 - + Từng bước thâm nhập các thị trường mới, mở rộng để đưa Công ty phát triển;
 - + Trở thành Đối tác chiến lược - Hợp tác toàn diện với các thương hiệu lớn;
 - + Phát triển các sản phẩm của Công ty, đưa hình ảnh Công ty tới gần hơn với người sử dụng.
- **Đầu tư công nghệ:**
 - + Tiếp tục đầu tư, nghiên cứu, áp dụng những công nghệ mới vào quy trình sản xuất cho phù hợp với các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn với môi trường;
 - + Nâng cao hoạt động, mở rộng quy mô, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Yếu tố môi trường:

- + Áp dụng quy trình quản lý môi trường tiên tiến;
- + Đáp ứng các yêu cầu về hoạt động môi trường, thực hiện trách nhiệm với xã hội.

- Về chính sách cho người lao động:

- + Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của cán bộ công nhân viên, tập trung vào công tác phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng định hướng phát triển sản xuất kinh doanh và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội;
- + Tập trung cho công tác đào tạo về nghiệp vụ, ngoại ngữ, học hỏi công nghệ mới ở nước ngoài nhằm nâng cao trình độ cho người lao động.

Chiến lược ngắn hạn (giai đoạn 2024-2028):

- Về kinh doanh:

- + Tập trung khai thác thị trường, mở rộng các hoạt động kinh doanh;
- + Nghiên cứu thị trường, đa dạng mẫu mã sản phẩm để khách hàng có nhiều cơ hội chọn lựa.

- Đầu tư công nghệ:

- + Đầu tư, nâng cấp, cải tiến máy móc, trang thiết bị tập trung sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm;
- + Áp dụng yếu tố công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Yếu tố môi trường:

- + Xây dựng văn hóa Nhà xưởng "sạch, đẹp";

- Chứng chỉ hoạt động:

- + Hoạt động theo bộ tiêu chuẩn ESG;
- + Tuân thủ các chứng chỉ hoạt động: ISO 9001:2015, chứng chỉ ISO 14001:2015, chứng chỉ GRS,...

18. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Tại thời điểm trình bày Bản công bố thông tin này, không có bất kỳ tranh chấp kiện tụng nào liên quan tới Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng cao Bình Thuận.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Thành viên không điều hành)
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên không điều hành)
3	Lê Văn Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên không điều hành)
4	Choi Je Hoyk	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
5	Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1.1. Ông Nguyễn Thanh Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và Tên: Nguyễn Thanh Tùng
- Ngày tháng năm sinh: 07/12/1984 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:
 - + Từ 10/2024 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + 12/2006 - 08/2010: Chuyên viên kế toán tổng hợp- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex
 - + 09/2010 - 05/2016: Phó giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Xây lắp TDT
 - + 09/2005 đến nay: Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Thanh Tùng
 - + 05/2022 đến nay: Giám đốc - Công ty TNHH Thanh Tùng Tây Bắc
 - + 04/2022 đến nay: Giám đốc - Công ty Cổ phần Xây dựng Cảnh quan Tùng Việt
 - + 01/2023 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị – Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận
- Số cổ phiếu nắm giữ: 7.968.400 cổ phiếu, chiếm 53,12% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 7.968.400 cổ phiếu, chiếm 53,12% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:

STT	Người nội bộ/Người có liên quan của Người nội bộ	Số hiệu hợp đồng/giao dịch	Loại hợp đồng/giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Nội dung chính của hợp đồng/ Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng	Cấp có thẩm quyền phê duyệt
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	001/HDCT/BPG-BTD	Thuê máy móc, phương tiện vận tải	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Thuê máy móc, phương tiện vận tải	HĐTV (*)
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	01/HĐNT/BTH/BTD	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Bán hàng hóa	HĐTV (*)

3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	0104/2022/HĐ NT/BTD-BPG	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Bán hàng hóa	HĐTV (*)
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	0201/2022/HĐ NT/BPG-BTD	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	HĐTV (*)

(*) Giai đoạn trước khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần.

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: được trình bày tại Phần II Mục 6 - Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

1.2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và Tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung
- Ngày tháng năm sinh: 29/04/1989 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:
 - + Từ 15/04/2024 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + 01/2009 – 01/2013: Quản lý chuỗi thương hiệu - Michel's Patisserie Australia
 - + 02/2013 - 12/2016: Lễ tân khách sạn/ Quản lý bếp khách sạn - Westin Hotel Australia
 - + 01/2017 - 03/2022: Chủ thương hiệu Le castella Việt Nam đồng thời là Phó Giám đốc – đại diện DZ card Thailand Công ty Cổ phần F-tech Việt Nam
 - + 11/2020 - 04/2022: Phó Giám đốc - đại diện Hyosung ATM Công ty TNHH Bảo Dưỡng Toàn Cầu (GTMC)
 - + 04/2022 – 12/2024: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận
 - + 05/2023 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần BPG Logisall
 - + 12/2023 - nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Nhựa Khô Việt
 - + 04/2024 – nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị - CTCP Dịch vụ Đầu tư Nam Sơn Tân Uyên
 - + 05/2024 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần BPG Shinnihon
 - + 08/2024 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị – Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận
- Số cổ phiếu nắm giữ: 289.200 cổ phiếu, chiếm 1,93% vốn điều lệ, trong đó:

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 289.200 cổ phiếu, chiếm 1,93% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:

STT	Người nội bộ/Người có liên quan của Người nội bộ	Số hiệu hợp đồng/giao dịch	Loại hợp đồng/giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Nội dung chính của hợp đồng/Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng	Cấp có thẩm quyền phê duyệt
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	001/HDCT/BPG-BTD	Thuê máy móc, phương tiện vận tải	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Thuê máy móc, phương tiện vận tải	HĐTV (*)
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	01/HĐNT/BTH/BTD	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Bán hàng hóa	HĐTV (*)
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	0104/2022/HĐ NT/BTD-BPG	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Bán hàng hóa	HĐTV (*)
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	0201/2022/HĐ NT/BPG-BTD	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	HĐTV (*)
5	Công ty Cổ phần BPG Logisall	2023/HĐNT/BT D-RT	Mua dịch vụ	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Mua dịch vụ	HĐTV (*)
6	Công ty Cổ phần BPG SHINNIHON	01.2022/HĐNT/DHP-BTD	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Mua nguyên vật liệu sản xuất	HĐTV (*)

(*) Giai đoạn trước khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần.

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: được trình bày tại Phần II Mục 6 - Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

1.3. Ông Lê Văn Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và Tên: Lê Văn Dũng
- Ngày tháng năm sinh: 25/12/1993 Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kiểm toán
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:
 - + Từ 15/04/2024 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + 2015 - 2018: Trưởng nhóm Kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
 - + 2019 - 2020: Phó phòng Kế toán - Công ty Cổ phần Đầu tư Nhật Huy
 - + 2020 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận
 - + 02/2024 - nay: Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần BPG Invest
 - + 04/2024 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần BPG Trading
- Số cổ phiếu nắm giữ: 3.368.800 cổ phiếu, chiếm 22,46% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 3.000.000 cổ phiếu, chiếm 20,00% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 368.800 cổ phiếu, chiếm 2,46% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:

STT	Người nội bộ/Người có liên quan của Người nội bộ	Số hiệu hợp đồng/ giao dịch	Loại hợp đồng/ giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Nội dung chính của hợp đồng/ Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng	Cấp có thẩm quyền phê duyệt
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	001/HDCT/BPG-BTD	Thuê máy móc, phương tiện vận tải	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Thuê máy móc, phương tiện vận tải	HĐTV (*)
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	01/HĐNT/BTH/BTD	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Bán hàng hóa	HĐTV (*)
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	0104/2022/HĐ NT/BTD-BPG	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Bán hàng hóa	HĐTV (*)
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	0201/2022/HĐ NT/BPG-BTD	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc - Không có giá trị cụ thể	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	HĐTV (*)

(*) Giai đoạn trước khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần.

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: được trình bày tại Phần II Mục 6 - Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

1.4. Ông Choi Je Hyok - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Họ và Tên: Choi Je Hyok
- Ngày tháng năm sinh: 28/03/1973 Quốc tịch: Hàn Quốc và Argentina
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kiến trúc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:
 - + Từ 06/06/2024 đến nay: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + 1996 - 2002: Giám đốc Marketing - Tập đoàn truyền hình Cisneros
 - + 2005 - 2009: Giám đốc Marketing Dự án Chính phủ - Công ty TNHH Thông tin Daewoo
 - + 2009 - 2011: Phó Chủ tịch - Công ty TNHH Turbo-Tech
 - + 2011 - 2013: Phó Chủ tịch - Celltrion ST
 - + 2013 - 2014: Giám đốc điều hành - Công ty TNHH Mirae Information Industry
 - + 2015 đến nay: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Bảo Dưỡng Toàn Cầu
 - + 2015 đến nay: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Global D AND C
- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: được trình bày tại Phần II Mục 6 - Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

1.5. Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Họ và Tên: Nguyễn Thị Hồng Vân
- Ngày tháng năm sinh: 10/11/1992 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kiểm toán
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:
 - + Từ 08/2025 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + 09/2014 - 03/2019: Trưởng nhóm Kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
 - + 04/2019 - 03/2020 Chuyên viên Kiểm soát nội bộ - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Đăng
 - + 04/2020 - 03/2023 Chuyên viên chính phòng Tài Chính - Công ty Cổ phần Nghe Nhìn Toàn Cầu
 - + 05/2023 - 01/2024 Chuyên viên chính Phòng Kế hoạch - Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
 - + 05/2023 đến nay: Giám đốc - Công ty TNHH Hãng kiểm toán CALICO
- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: được trình bày tại Phần II Mục 6 - Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

2. Ủy ban kiểm toán

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thị Hồng Vân	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ủy ban kiểm toán

2.1. Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Xem Phần II, Mục 1.5

2.2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên Ủy ban kiểm toán

Xem Phần II, Mục 1.2

3. Giám đốc và người quản lý khác

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lương Hữu Hoàn	Giám đốc
2	Vũ Văn Tuấn	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Khánh Hiếu	Phó Giám đốc

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
4	Trần Thị Ánh Kiều	Phó Giám đốc
5	Phạm Thị Bích	Kế Toán Trưởng

3.1. Ông Lương Hữu Hoàn - Giám đốc

- Họ và Tên: Lương Hữu Hoàn
- Ngày tháng năm sinh: 02/10/1979 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:
 - + Từ 31/07/2023 đến nay: Giám đốc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + 2003 - 2009: Nhân viên Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
 - + 2009 - 2011: Trưởng Ban Kỹ thuật sản xuất - Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
 - + 2012 - 2019: Phó Quản đốc kiêm Trưởng Ban Kỹ thuật- Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
 - + 2019 - 2021: Quản đốc Phân xưởng Nhựa - Công ty TNHH Công nghệ Tecomen (Tập đoàn Karofi)
- Số cổ phiếu nắm giữ: 381.000 cổ phiếu, chiếm 2,54% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 381.000 cổ phiếu, chiếm 2,54% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: được trình bày tại Phần II Mục 6 - Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

3.2. Ông Vũ Văn Tuấn - Phó Giám đốc

- Họ và Tên: Vũ Văn Tuấn
- Ngày tháng năm sinh: 26/09/1990 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử Viễn thông
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:
 - + Từ 06/2020 – 03/2024: Trưởng phòng Kinh doanh
 - + Từ 03/2024 đến nay: Phó Giám đốc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- + 07/2013 - 12/2024: Nhân viên Kế hoạch sản xuất - Công ty Elentec Việt Nam
- + 12/2014 - 06/2018: Quản lý Phòng kinh doanh, Kế hoạch sản xuất - Công ty TNHH BLD Vina
- + 06/2018 - 06/2020: Quản lý Phòng kinh doanh, Kế hoạch sản xuất
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNCTech
- Số cổ phiếu nắm giữ: 164.000 cổ phiếu, chiếm 1,09% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 164.000 cổ phiếu, chiếm 1,09% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: được trình bày tại Phần II Mục 6 - Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

3.3. Nguyễn Khánh Hiếu – Phó Giám đốc

- Họ và Tên: Nguyễn Khánh Hiếu
- Ngày tháng năm sinh: 29/10/1998 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:
 - + Từ 01/10/2024 đến nay: Phó Giám đốc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + 02/2020 – 09/2020 Chuyên viên Kinh doanh - Công ty cổ phần Quảng cáo trực tuyến 24h
 - + 12/2022 – 03/2024 Chuyên viên Thương hiệu - Công ty Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình
 - + 12/2022 – nay Giảng viên thỉnh giảng Marketing - Công ty Công ty TNHH Giáo dục FPT
- Số cổ phiếu nắm giữ: 600 cổ phiếu, chiếm 0,004% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 600 cổ phiếu, chiếm 0,004% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: được trình bày tại Phần II Mục 6 - Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

3.4. Trần Thị Ánh Kiều – Phó Giám đốc

- Họ và Tên: Trần Thị Ánh Kiều
- Ngày tháng năm sinh: 21/07/1986 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:
 - + Từ 10/2024 đến nay: Phó Giám đốc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + 07/2008 – 09/2008: Nhân viên triển khai - Công ty Cổ phần Phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast
 - + 10/2008- 06/2010: Nhân viên kế toán - Công ty Công ty Cổ phần Hăng sơn Đồng Á
 - + 08/2010 – 06/2011: Nhân viên kế toán - Công ty TNHH xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ Vĩnh Cường
 - + 07/2012 – 09/2018: Chuyên viên kế toán Tổng hợp - Công ty Cổ phần Cơ khí Nhựa Bình Thuận
 - + 02/2019 – 12/2020: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Cơ khí Nhựa Bình Thuận
 - + 01/2021 – 06/2021: Trưởng ban Nguồn vốn - Công ty Cổ phần Cơ khí Nhựa Bình Thuận
 - + 07/2021 - 04/2022: Trưởng ban Nguồn vốn - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận
 - + 05/2022 – 08/2022: Trưởng ban Trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận
 - + 09/2022 – 06/2023: Phó ban Nguồn vốn - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận
 - + 07/2023 – 12/2023: Phó ban Ngân sách Giá thành - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận
 - + 01/2024 – nay: Trưởng ban Giá thành - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận
 - + 10/2024 – nay: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Dịch vụ đầu tư Nam Sơn Tân Uyên
- Số cổ phiếu nắm giữ: 300.200 cổ phiếu, chiếm 2,00% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 300.200 cổ phiếu, chiếm 2,00% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: được trình bày tại Phần II Mục 6 - Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

3.5. Bà Phạm Thị Bích - Kế toán trưởng

- Họ và Tên: Phạm Thị Bích

- Ngày tháng năm sinh: 02/12/1987 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:
 - + Từ 2022 đến nay: Kế toán trưởng
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + 2009 - 2011: Nhân viên - Công ty Cổ phần Bao bì ATA
 - + 2011 - 2014: Nhân viên – Công ty TNHH Thuận An
 - + 2015 - 2019: Kế toán trưởng - Công ty TNHH Bình Minh
 - + 2020 - 2022: Kế toán trưởng - Công ty CP Sản xuất Thiết bị Bảo hộ Cá nhân Nam Dương
- Số cổ phiếu nắm giữ: 600 cổ phiếu, chiếm 0,004% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 600 cổ phiếu, chiếm 0,004% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: được trình bày tại Phần II Mục 6 - Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Để tăng cường quản trị công ty, Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Quy chế tuân thủ các quy định như sau:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chứng khoán được Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Phát triển Bình Thuận.

Mục đích ban hành Quy chế nhằm hướng đến:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc bao gồm xây dựng quy chế làm việc hiệu quả giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Xây dựng quy chế nội bộ để quản trị Công ty.
- Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đúng quy định đối với công ty đại chúng.

- Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ để thực hiện giám sát rủi ro, đánh giá và hoàn thiện các thủ tục kiểm soát và hệ thống quản trị.
- Hoàn thiện hệ thống thông tin truyền thông phục vụ quản trị doanh nghiệp gồm: công bố thông tin minh bạch, liên kết quảng cáo, tổ chức sự kiện, công tác bán hàng ...
- Xây dựng nội dung "đào tạo hội nhập" cho nhân viên mới gồm: giới thiệu chung về lịch sử hình thành và phát triển của công ty và đơn vị. Giới thiệu các nội quy, quy chế, qui định cơ bản và bản thỏa ước lao động tập thể.
- Sắp xếp bộ máy quản lý, các phòng ban chức năng tinh gọn hơn. Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo lực lượng lao động, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý đáp ứng nhu cầu quản trị doanh nghiệp.
- Kien toàn bộ máy tổ chức và nhân sự quản lý đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đồng thời triển khai thực hiện các giải pháp thúc đẩy và nâng cao năng suất lao động.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ / Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu cá nhân/tổ chức sở hữu	Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (nếu có)	% sở hữu (cá nhân và đại diện)	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Tùng	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	-	7.968.400	53,12%	
1.1	Nguyễn Thanh Huỳnh	Bố đẻ				
1.2	Trần Thị Huệ	Mẹ đẻ				
1.3	Nguyễn Thanh Bình	Anh ruột				
1.4	Đặng Thị Hải	Vợ				
1.5	Nguyễn Hải An	Con ruột				
1.6	Nguyễn Thanh Thảo	Con ruột				
1.7	Nguyễn Thanh Sơn	Con ruột				
1.8	Nguyễn Thanh Trung	Con ruột				
1.9	Nguyễn Thị Xuyến	Mẹ vợ				
1.10	Đặng Thế Khánh	Bố vợ				
1.11	Vương Thị Kỳ	Mẹ nuôi				
1.12	Đặng Thị Thư	Em vợ				
1.13	Đặng Thị Vân	Em vợ				
1.14	Đặng Thế Thi	Em vợ				
1.15	Đào Thị Ngọc Uyên	Em dâu				
1.16	Hoàng Văn Quỳnh	Em rể				

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ / Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu cá nhân/tổ chức sở hữu	Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (nếu có)	% sở hữu (cá nhân và đại diện)	Ghi chú
1.17	Nguyễn Thành Nam	Em rể				
1.18	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	Tổ chức có liên quan	7.968.400		53,12%	Thành viên Hội đồng quản trị
1.19	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Thanh Tùng	Tổ chức có liên quan				Giám đốc
1.20	Công ty TNHH Thanh Tùng Tây Bắc	Tổ chức có liên quan				Giám đốc
1.21	Công ty Cổ phần xây dựng cảnh quan Tùng Việt	Tổ chức có liên quan				Giám đốc
2	Nguyễn Thị Hồng Nhưng	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	289.200	-	1,93%	THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN
2.1	Nguyễn Hồng Thái	Bố đẻ				
2.2	Trần Lan Hương	Mẹ đẻ				
2.3	Phạm Chí Minh	Con đẻ				
2.4	Phạm Minh Anh	Con đẻ				
2.5	Nguyễn Thị Hồng Bảo Ngọc	Em ruột				
2.6	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Em ruột				
2.7	Nguyễn Gia Tài	Em ruột				
2.8	Nguyễn Văn Hào	Em rể				
2.9	Phạm Quốc Đạt	Em rể				
2.10	Công ty Cổ phần BPG Shinnihon	Tổ chức liên quan				Chủ tịch Hội đồng quản trị/Cổ đông
2.11	Công ty Cổ phần BPG Logisall	Tổ chức liên quan				Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Cổ đông
2.12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	Tổ chức liên quan	7.968.400		53,12%	Thành viên Hội đồng quản trị/Phó Tổng Giám đốc
2.13	Công ty cổ phần Dịch vụ Đầu tư Nam Sơn Tân Uyên	Tổ chức liên quan				Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Lê Văn Dũng	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	368.800	3.000.000	22,46%	
3.1	Lê Văn Là	Bố đẻ				
3.2	Võ Thị Thảo	Mẹ đẻ				
3.3	Đoàn Thị Thanh Mai	Vợ				

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ / Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu cá nhân/tổ chức sở hữu	Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (nếu có)	% sở hữu (cá nhân và đại diện)	Ghi chú
3.4	Lê Diệp Chi	Con đẻ				
3.5	Lê Văn Tiến	Em ruột				
3.6	Đoàn Quốc Thịnh	Bố vợ				
3.7	Vũ Thị Huệ	Mẹ vợ				
3.8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	Tổ chức có liên quan	7.968.400		53,12%	Phó Tổng Giám đốc
3.9	Công ty Cổ phần BPG Trading	Tổ chức có liên quan				Thành viên Hội đồng quản trị / Cổ đồng
3.10	Công ty Cổ phần BPG Invest	Tổ chức có liên quan	3.000.000		20,00%	Thành viên Hội đồng quản trị/ Cổ đồng/ Tổng Giám đốc
3.11	Công ty TNHH Nhựa Khôi Việt	Tổ chức có liên quan				Thành viên Hội đồng thành viên
4	Choi Je Hyok	THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
4.1	Choi Hwan	Bố đẻ				
4.2	Choi Jung Sook	Mẹ đẻ				
4.3	Choi Jae Ho	Anh trai				
4.4	Moon Sun	Vợ				
4.5	Choi Seung-Yu	Con trai				
4.6	Công Ty TNHH Bảo Dưỡng Toàn Cầu	Tổ chức có liên quan				Tổng Giám đốc/ Chủ sở hữu
4.7	Công Ty TNHH GLOBAL D AND C	Tổ chức có liên quan				Tổng Giám đốc/ Chủ sở hữu
5	Nguyễn Thị Hồng Vân	THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN
5.1	Nguyễn Minh Thọ	Bố đẻ				
5.2	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Mẹ đẻ				
5.3	Đoàn Văn Nghị	Bố chồng				
5.4	Trần Thị Chinh	Mẹ chồng				
5.5	Đoàn Văn Quang	Chồng				
5.6	Nguyễn Thị Hồng Huệ	Em ruột				
5.7	Nguyễn Minh Quang	Em ruột				

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ / Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu cá nhân/tổ chức sở hữu	Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (nếu có)	% sở hữu (cá nhân và đại diện)	Ghi chú
5.8	Nguyễn Văn Hiến	Em rể				
5.9	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán CALICO	Tổ chức có liên quan				Giám đốc
6	Lương Hữu Hoàn	GIÁM ĐỐC	381.000	-	2,54%	
6.1	Nguyễn Thị Nhung	Vợ				
6.2	Lương Bảo Trâm	Con đẻ				
6.3	Lương Đức Thiện	Con đẻ				
6.4	Trần Thị Sang	Mẹ đẻ				
6.5	Nguyễn Văn Luyện	Bố vợ				
6.6	Bùi Thị Ninh	Mẹ vợ				
6.7	Lương Hữu Huân	Em ruột				
6.8	Nguyễn Thị Hưng	Em dâu				
6.9	Lương Hữu Chính	Em ruột				
6.10	Nguyễn Thị Huệ	Em dâu				
6.11	Lương Hữu Trang	Em ruột				
6.12	Nguyễn Thị Trang	Em dâu				
7	Vũ Văn Tuấn	PHÓ GIÁM ĐỐC	164.000	-	1,09%	
7.1	Vũ Ngọc Quý	Bố Đẻ				
7.2	Nguyễn Thị Yêu	Mẹ Đẻ				
7.3	Nguyễn Văn Đình	Anh Rể				
7.4	Vũ Thị Hiền	Chị Ruột				
7.5	Phạm Thanh Tùng	Anh Rể				
7.6	Vũ Thị Hào	Chị Ruột				
7.7	Nguyễn Văn Đoán	Anh Rể				
7.8	Vũ Thị Hương	Chị Ruột				
7.9	Nguyễn Thị Liên	Vợ				
7.10	Vũ Hoàng Anh	Con Đẻ				
8	Nguyễn Khánh Hiếu	PHÓ GIÁM ĐỐC	600		0,004%	
8.1	Nguyễn Quang Hường	Bố đẻ				
8.2	Đào Thị Hoa	Mẹ đẻ				
8.3	Nguyễn Quang Tuấn	Bố vợ				
8.4	Phạm Thị Sáu	Mẹ vợ				
8.5	Nguyễn Kiều Trinh	Vợ				
8.6	Nguyễn Khánh Hưng	Em ruột				
8.7	Nguyễn Khánh Thảo An	Con ruột				

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ / Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu cá nhân/tổ chức sở hữu	Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (nếu có)	% sở hữu (cá nhân và đại diện)	Ghi chú
8.8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	Tổ chức liên quan				
9	Trần Thị Ánh Kiều	PHÓ GIÁM ĐỐC	311.000		2,07%	
9.1	Trần Ngọc Thanh	Bố đẻ				
9.2	Tống Thị Lệ Hằng	Mẹ đẻ				
9.3	Trần Ngọc Tuấn Vũ	Em ruột				
9.4	Vũ Văn Hưng	Chồng				
9.5	Vũ Bá Hải	Con ruột				
9.6	Vũ Quỳnh Hân	Con ruột				
9.7	Vũ An Nhiên	Con ruột				
9.8	Vũ Thị Phượng	Mẹ chồng				
9.9	Tạ Quang Ích	Anh rể				
9.10	Nguyễn Hồng Lư	Anh rể				
9.11	Tạ Thị Hòa	Em dâu				
9.12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	Tổ chức liên quan				
9.13	Công ty cổ phần Dịch vụ Đầu tư Nam Sơn Tân Uyên	Tổ chức liên quan				Phó Giám đốc
9.14	Công ty Cổ phần BPG Shinnihon	Tổ chức liên quan				Phó Giám đốc
10	Phạm Thị Bích	KẾ TOÁN TRƯỞNG	600		0,004%	
10.1	Nguyễn Tiên Phong	Chồng				
10.2	Phạm Văn Mạnh	Bố đẻ				
10.3	Nguyễn Thị Hà	Mẹ đẻ				
10.4	Nguyễn Hồng Vương	Bố chồng				
10.5	Trần Thị Tuyết	Mẹ chồng				
10.6	Nguyễn Phương Linh	Con đẻ				
10.7	Nguyễn Trường Phát	Con đẻ				
10.10	Phạm Thị Lý	Chị ruột				
10.9	Phạm Thị Định	Chị ruột				
10.10	Phạm Thị Liên	Chị ruột				
10.11	Phạm Văn Cường	Em ruột				
10.12	Đỗ Văn Bài	Anh rể				
10.13	Hoàng Văn Sự	Anh rể				

(*) Số liệu về số lượng cổ phiếu theo Danh sách cổ đông tại thời điểm Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng

6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định

(i) Giao dịch với bên liên quan

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025 (đồng)	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024 (đồng)
Mua hàng hóa và dịch vụ	851.496.692.142	623.275.981.991
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	681.102.216.224	408.625.711.075
Công ty TNHH Nhựa Đông Hải (nay là Công ty Cổ phần BPG Shinnihon)	116.630.729.750	183.900.045.000
Công ty Cổ phần Khuôn mẫu nhựa Việt Nam	18.665.678.368	6.161.600.000
Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	47.570.000	9.634.625.000
Công ty TNHH Nhựa Khô Việt	10.508.048.000	13.737.021.000
Công ty Cổ phần BPG Logisall	847.329.800	1.216.979.916
Công ty Cổ phần BPG Trading	23.695.120.000	
Bán hàng hóa và dịch vụ	627.597.019.401	612.685.222.072
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	582.134.889.151	599.287.636.123
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận tại Bình Dương	-	77.522.279
Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	43.773.330.250	2.366.970.060
Công ty Cổ phần BPG SHINNIHON	139.650.000	1.471.890.000
Công ty Cổ phần Khuôn mẫu nhựa Việt Nam	1.549.150.000	3.129.968.110
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Nam Sơn Tân Uyên	-	6.351.235.500
Thanh lý tài sản cố định	-	5.583.333.333
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	-	5.583.333.333
Chia cổ tức	25.510.224.000	40.445.049.381
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	15.458.696.000	37.410.529.882
Công ty Cổ phần BPG Invest	5.820.000.000	-
Bà Hồ Lan Phương	Không còn là bên liên quan	600.000.000
Ông Lương Hữu Hoàn	739.140.000	600.000.000
Ông Nguyễn Chí Thúc	Không còn là bên liên quan	200.000.000
Bà Hoàng Thị Hằng	743.408.000	200.000.000
Ông Lê Văn Dũng	715.472.000	294.047.227
Ông Lê Văn Quang	-	940.472.272
Ông Đỗ Minh Ngọc	Không còn là bên liên quan	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	561.048.000	-

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
	(đồng)	(đồng)
Ông Vũ Văn Tuấn	318.160.000	-
Ông Nguyễn Hữu Duy	334.456.000	-
Ông Nguyễn Khắc Tuấn	205.640.000	-
Bà Trần Thị Ánh Kiều	603.340.000	-
Ông Nguyễn Bảo Trung	9.700.000	-
Ông Nguyễn Khánh Hiếu	1.164.000	-
Chi trả cổ tức/lợi nhuận đã chia	15.458.696.000	38.130.529.883
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	15.458.696.000	37.523.329.883
Ông Lê Văn Dũng		55.200.000
Ông Lê Văn Quang		552.000.000

Nguồn: BCTC đã kiểm toán kỳ 01/04/2023 - 14/04/2024, kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025

(ii) Số dư với bên liên quan

	31/03/2025	14/04/2024
	(đồng)	(đồng)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	51.607.157.131	98.960.801.174
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	-	94.035.838.804
Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	49.390.024.831	1.524.960.000
Công ty Cổ phần BPG SHINNIHON (Trước đây là Công ty TNHH Nhựa Đông Hải)	-	1.102.870.070
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Nam Sơn Tân Uyên	2.217.132.300	2.297.132.300
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	10.950.000.000
Công ty TNHH Nhựa Khôi Việt	-	10.950.000.000
Phải trả người bán	201.152.819.718	135.796.384.731
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	188.974.163.080	132.970.829.178
Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	-	713.271.444
Công ty TNHH Nhựa Khôi Việt	288.852.800	-
Công ty Cổ phần Khuôn mẫu nhựa Việt Nam	9.282.958.054	1.381.548.549
Công ty Cổ phần BPG Logisall	915.116.184	730.735.560
Công ty Cổ phần BPG Trading	1.691.729.600	-
Phải trả khác	12.086.047.499	3.034.519.499
Công ty Cổ phần BPG Invest	5.820.000.000	-

	31/03/2025	14/04/2024
	(đồng)	(đồng)
Bà Hồ Lan Phương	Không còn là bên liên quan	600.000.000
Ông Lương Hữu Hoàn	1.339.140.000	600.000.000
Ông Nguyễn Chí Thúc	Không còn là bên liên quan	200.000.000
Bà Hoàng Thị Hằng	943.408.000	200.000.000
Ông Lê Văn Dũng	1.009.519.227	294.047.227
Ông Lê Văn Quang	940.472.272	940.472.272
Ông Đỗ Minh Ngọc	Không còn là bên liên quan	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	561.048.000	
Ông Vũ Văn Tuấn	318.160.000	
Ông Nguyễn Hữu Duy	334.456.000	
Ông Nguyễn Khắc Tuấn	205.640.000	
Bà Trần Thị Ánh Kiều	603.340.000	
Ông Nguyễn Bảo Trung	9.700.000	
Ông Nguyễn Khánh Hiếu	1.164.000	

Nguồn: BCTC đã kiểm toán kỳ 01/04/2023 - 14/04/2024, kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025

(iii) Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
		(đồng)	(đồng)
Bà Hồ Lan Phương	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 15/04/2024 đến ngày 12/10/2024)	55.333.333	30.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Lê Văn Dũng	Thành viên HĐQT	-	-
Bà Hoàng Thị Hằng	Thành viên HĐQT (Từ ngày 15/04/2024 đến ngày 06/06/2024)	-	-
Ông Trịnh Quốc Huy	Thành viên độc lập	-	-
Ông Choi Je Hyok	Thành viên độc lập	-	-
Ông Lương Hữu Hoàn	Giám đốc	590.296.154	656.552.756
Ông Vũ Văn Tuấn	Phó Giám đốc	324.633.077	28.050.000
Bà Trần Thị Ánh Kiều	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/10/2024)	-	-

Họ và tên	Chức vụ	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
		(đồng)	(đồng)
Ông Nguyễn Khánh Hiếu	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/10/2024)	30.000.000	-
Tổng		1.000.262.564	714.602.756

Nguồn: BCTC đã kiểm toán kỳ 01/04/2023 - 14/04/2024, kỳ 15/04/2024 - 31/03/2025

(Hết nội dung tại trang này)

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY

1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đại chúng

Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông **Lương Hữu Hoàn**

Chức vụ: **Giám đốc**

Bà **Phạm Thị Bích**

Chức vụ: **Kế toán trưởng**

2. Cam kết của Công ty

- Công ty cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của thông tin tại Bản công bố thông tin và các tài liệu kèm theo (nếu có).
- Sau khi được xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng, công ty tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán.

IV. NGÀY THÁNG NĂM, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG)

Ninh Bình, ngày 14 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thanh Tùng

GIÁM ĐỐC



Lương Hữu Hoàn

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thị Bích

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

Ban hành kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng Cao Bình Thuận
số 04-08/2025/NQ-BQP ngày 30 tháng 08 năm 2025



Nguyễn Thanh Tùng
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp	10
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	26
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	27
CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	27
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	27
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	28
CHƯƠNG IX: ỦY BAN KIỂM TOÁN	28
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	28
Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	28
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	29
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	29
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	29
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	30
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	31
CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	31
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	31
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	32
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	32
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	32
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	32
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	32
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	32
Điều 47. Năm tài chính	33
Điều 48. Chế độ kế toán	33

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	33
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	33
Điều 50. Báo cáo thường niên	33
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	33
Điều 51. Kiểm toán.....	33
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	34
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp.....	34
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY	34
Điều 53. Giải thể công ty	34
Điều 54. Gia hạn hoạt động.....	34
Điều 55. Thanh lý.....	34
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	35
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	35
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	35
Điều 57. Điều lệ công ty	35
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC.....	35
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	35

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng Cao Bình Thuận số 04-08/2025/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 30 tháng 08 năm 2025

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

- Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - Vốn có quyền biểu quyết** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Luật doanh nghiệp** là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - Luật chứng khoán** là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - Nghị định 155/2020/NĐ-CP** là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
 - Việt Nam** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - Ngày thành lập** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - Người điều hành doanh nghiệp** là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - Người quản lý doanh nghiệp** là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - Cổ đông lớn** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - Thời hạn hoạt động** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - Sở giao dịch chứng khoán** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng Cao Bình Thuận
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Binh Thuan High Quality Joint Stock Company
 - Tên Công ty viết tắt: BQP
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN-03, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
 - Điện thoại: 02433.888.899
 - E-mail: binhthuandevlopment@btd.com.vn
 - Website: bpg.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1.	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá và không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền phân phối)
2.	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
3.	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
4.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;
5.	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại
6.	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
7.	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;
8.	2013	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: - Sản xuất plastic nguyên sinh - Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
9.	2220 (Chính)	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất sản phẩm từ plastic - Sản xuất bao bì từ plastic
10.	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
11.	2593	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
12.	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu: - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như : Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo;
13.	2750	Sản xuất đồ điện dân dụng
14.	2821	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
15.	2822	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại
16.	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
17.	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
18.	3314	Sửa chữa thiết bị điện
19.	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

- Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, tối đa hóa lợi ích của cổ đông, tích lũy vốn để phát triển ngày càng lớn mạnh, góp phần tạo hiệu quả xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước.
- Đồng thời thực hiện việc kinh doanh sản xuất các sản phẩm có nhu cầu tiêu dùng trong xã hội nhằm tối đa hóa các nguồn lợi nhuận có thể có được của Công ty và cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống người lao động, bảo đảm lợi ích cho cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.000.000 cổ phần (Bằng chữ: Mười lăm triệu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; (Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp).
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn

bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

- d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - i. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
 - q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.
Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoại trừ các vấn đề phải được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp, các vấn đề sau đây được thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 - 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Việc đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; chữ ký của tất cả cổ đông hợp thành nhóm;
 Hồ sơ, thông tin liên quan đến các ứng cử viên được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 Đối với trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 (sáu) đến 08 (tám) thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 (ba) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 (chín) đến 11 (mười một) thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
 7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
 9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng

quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX: ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
- c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông;

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp Luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 hằng năm.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;

Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm hai mươi mốt (21) mục, năm mươi tám (58) điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng Cao Bình Thuận nhất trí thông qua ngày 30 tháng 08 năm 2025 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành bảy (07) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



LƯƠNG HỮU HOÀN

PHỤ LỤC: CĂN CỨ BAN HÀNH, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

STT	NỘI DUNG	CĂN CỨ BAN HÀNH
1	Điều lệ tổ chức và hoạt động (Ban hành lần đầu)	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-04/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2024
2	Điều lệ tổ chức và hoạt động (Sửa đổi lần thứ 01)	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04-08/2025/NQ-BQP ngày 30 tháng 08 năm 2025



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0700823506

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 01 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 04 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH THUAN HIGH QUALITY PLASTIC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô CN-03, khu công nghiệp Đồng Văn IV, Phường Lê Hồ, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Điện thoại: 02433888899

Số Fax:

Thư điện tử: binhthuandevlopment@btd.com.vn Website:

3. Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 15.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LƯƠNG HỮU HOÀN

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 02/10/1979

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 026079001181

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Phòng 801 Tòa B2 Chung cư Ruby CT3, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

LÊ VĂN ĐẮC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần)
đến ngày 31/03/2025

Hà Nam, tháng 05 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng cao Bình Thuận (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/03/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/03/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12/10/2024)
Bà Hồ Lan Phương	Chủ tịch (từ ngày 15/04/2024 đến ngày 12/10/2024)
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/04/2024)
Ông Lê Văn Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/04/2024)
Bà Hoàng Thị Hằng	Thành viên (từ ngày 15/04/2024 đến ngày 06/06/2024)
Ông Trịnh Quốc Huy	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 15/04/2024)
Ông Choi Je Hyok	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 06/06/2024)

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Lương Hữu Hoàn	Giám đốc
Ông Vũ Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Ánh Kiều	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2024)
Ông Nguyễn Khánh Hiếu	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính trong kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/03/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lương Hữu Hoàn
Giám đốc

Hà Nam, ngày 20 tháng 05 năm 2025

Số: 120 /2025/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông,
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng cao Bình Thuận

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng cao Bình Thuận (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/05/2025, từ trang 04 đến trang 32 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/03/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng cao Bình Thuận tại ngày 31/03/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/03/2025, phù hợp với với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2025

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2023-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	15/04/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		387.939.405.214	439.962.155.437
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	40.494.041.518	113.540.660.915
1. Tiền	111		779.059.454	3.363.840.825
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.714.982.064	110.176.820.090
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	26.055.574.608	23.134.259.923
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26.055.574.608	23.134.259.923
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.829.189.695	172.127.242.058
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	168.986.954.350	160.741.163.128
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	692.020.632	11.425.213.349
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.248.405.976	1.599.185.072
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(4.098.191.263)	(1.638.319.491)
IV. Hàng tồn kho	140	10	148.001.364.316	125.711.684.202
1. Hàng tồn kho	141		148.001.364.316	125.711.684.202
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.559.235.077	5.448.308.339
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	221.139.853	578.614.091
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.338.095.224	4.846.861.942
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	22.832.306
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.718.826.769	153.568.736.405
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		159.236.129	331.236.129
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	159.236.129	331.236.129
II. Tài sản cố định	220		121.081.317.584	132.594.335.777
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	117.094.737.946	127.266.861.426
- Nguyên giá	222		193.996.560.170	184.074.644.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.901.822.224)	(56.807.783.199)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	3.986.579.638	5.327.474.351
- Nguyên giá	225		7.679.809.691	7.679.809.691
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.693.230.053)	(2.352.335.340)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	100.000	3.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		100.000	3.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		17.478.173.056	17.643.164.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	17.478.173.056	17.643.164.499
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		526.658.231.983	593.530.891.842

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	15/04/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		375.855.811.152	442.357.376.342
I. Nợ ngắn hạn	310		375.428.753.402	419.911.513.892
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	228.444.012.998	169.741.717.488
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	3.160.585.391
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.777.682.060	2.199.960.446
4. Phải trả người lao động	314		1.471.801.890	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	455.452.131	2.297.810.789
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	17.103.862.637	4.656.415.074
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	125.175.941.686	237.855.024.704
II. Nợ dài hạn	330		427.057.750	22.445.862.450
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	427.057.750	22.445.862.450
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		150.802.420.831	151.173.515.500
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	150.802.420.831	151.173.515.500
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		802.420.831	1.173.515.500
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		802.420.831	1.173.515.500
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		526.658.231.983	593.530.891.842

Hà Nam, ngày 20 tháng 05 năm 2025

Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích



Lương Hữu Hoàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 đến ngày 31/03/2025

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.211.931.925.208	1.087.139.626.251
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	91.080.603
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	1.211.931.925.208	1.087.048.545.648
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.151.281.212.427	1.027.724.738.933
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.650.712.781	59.323.806.715
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.812.154.539	5.867.455.381
7. Chi phí tài chính	22	24	14.255.769.925	24.046.867.862
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.609.887.591	24.046.867.862
8. Chi phí bán hàng	25	25	5.890.660.938	5.843.298.747
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	11.841.440.348	11.661.301.474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.474.996.109	23.639.794.013
11. Thu nhập khác	31		71.836	126.501.722
12. Chi phí khác	32	26	68.352.722	355.759.155
13. Lợi nhuận khác	40		(68.280.886)	(229.257.433)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.406.715.223	23.410.536.580
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.677.809.892	2.237.021.080
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.728.905.331	21.173.515.500
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.915	-

Hà Nam, ngày 20 tháng 05 năm 2025

Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích



Giám đốc

Lương Hữu Hoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 đến ngày 31/03/2025

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.406.715.223	23.410.536.580
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	21.744.069.366	23.330.914.078
- Các khoản dự phòng	03	2.459.871.772	1.480.330.291
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	32.882.334	(363.298.902)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.803.855.823)	(5.212.078.569)
- Chi phí lãi vay	06	13.609.887.591	24.046.867.862
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	66.449.570.463	66.693.271.340
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13.792.439.755)	146.604.795.936
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(22.289.680.114)	(89.899.912.619)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	63.560.067.801	(2.171.513.570)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	522.465.681	1.169.317.753
- Tiền lãi vay đã trả	14	(14.401.491.108)	(23.747.425.522)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.115.849.823)	(2.049.102.432)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	77.932.643.145	96.599.430.886
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.200.552.549)	(1.625.335.451)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	611.111.111	5.808.369.913
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	78.685.315	20.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.688.077.299	4.599.538.572
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(822.678.824)	28.782.573.034
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	400.788.132.506	569.530.051.720
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(533.665.471.937)	(611.877.731.966)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.820.548.287)	(2.375.021.999)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.458.696.000)	(38.130.529.883)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(150.156.583.718)	(82.853.232.128)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(73.046.619.397)	42.528.771.792
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	113.540.660.915	71.011.889.123
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	40.494.041.518	113.540.660.915

Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích



Hà Nam, ngày 20 tháng 05 năm 2025

Giám đốc

Lương Hữu Hoàn

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu**

Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng cao Bình Thuận ("gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Phát triển Bình Thuận. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700823506 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/01/2019 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7365832345 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp ngày 12/02/2019.

Theo Nghị quyết số 0901/2024/NQ-BTD ngày 05/04/2024, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Phát triển Bình Thuận đã quyết định chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần và đổi tên Công ty. Ngày 15/04/2024, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 và bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng cao Bình Thuận.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 06/01/2025 là 150.000.000.000 đồng tương ứng với 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2025 là 139 người (tại ngày 14/04/2024 là 147 người).

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN-03, khu công nghiệp Đồng Văn IV, phường Đại Cường, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công và lắp ráp các sản phẩm và linh kiện nhựa.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau. Báo cáo tài chính được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 đến ngày 31/03/2025 là báo cáo được lập cho niên độ kế toán đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các loại chứng khoán nợ khác (ví dụ: khoản đầu tư mua nợ xấu...) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	4 - 10
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị quản lý	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, nhượng bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý, nhượng bán và giá trị còn lại của tài sản, được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9. Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Thuê tài sản được xác định là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Công ty ghi nhận nguyên giá tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (nếu giá trị này thấp hơn giá trị hợp lý) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	3,5 - 8
Phương tiện vận tải	7

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền thuê đất trả trước tại Lô CN-03, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam theo Hợp đồng cho thuê lại đất với Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Viglacera được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày 01/06/2020 đến ngày 04/08/2066;
- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 01 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản chi phí khác như: chi phí lãi vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận bổ sung hoặc hoàn nhập vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.13. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

4.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi và các khoản doanh thu tài chính khác (nếu có).

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu công nghiệp Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nên được hưởng ưu đãi đầu tư theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế trong đó Công ty được miễn thuế trong vòng 2 năm đầu tiên kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2020) và được giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Sau thời gian được hưởng ưu đãi thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao

gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2025	15/04/2024
	VND	VND
Tiền mặt	350.124.000	6.408.961
Tiền gửi ngân hàng	428.935.454	3.357.431.864
Các khoản tương đương tiền (*)	39.714.982.064	110.176.820.090
Cộng	40.494.041.518	113.540.660.915

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng với lãi suất từ 1,8%/năm đến 3,1%/năm tại các ngân hàng thương mại và đang được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay của Công ty với các ngân hàng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2025	15/04/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	26.055.574.608	23.134.259.923
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	26.055.574.608	23.134.259.923
Dài hạn	100.000	3.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	100.000	-
Trái phiếu	-	3.000.000.000
Cộng	26.055.674.608	26.134.259.923

(i): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,2%/năm và đang được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay của Công ty và của bên liên quan với các ngân hàng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2025	15/04/2024
	VND	VND
Phải thu bên liên quan	51.607.157.131	98.960.801.174
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	-	94.035.838.804
Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	49.390.024.831	1.524.960.000
Công ty Cổ phần BPG SHINNIHON (Trước đây là Công ty TNHH Nhựa Đồng Hải)	-	1.102.870.070
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Nam Sơn Tân Uyên	2.217.132.300	2.297.132.300
Phải thu các khách hàng khác	117.379.797.219	61.780.361.954
Công ty Cổ phần Công nghiệp Techcom	16.444.013.044	14.778.734.551
Công ty Cổ phần Đầu tư Plus Việt Nam	3.756.100.375	5.702.400.000
Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành	28.229.657.125	1.566.440.750
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc Dân Phát	-	10.277.386.893
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành	3.468.606.025	7.614.072.400
Công ty TNHH Thái Sơn Minh Đăng	11.483.892.413	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Công nghệ Tú Uyên	19.543.817.575	-
Các khách hàng khác	34.453.710.662	21.841.327.360
Cộng	168.986.954.350	160.741.163.128

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2025	15/04/2024
	VND	VND
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	10.950.000.000
Công ty TNHH Nhựa Khôi Việt	-	10.950.000.000
Trả trước cho người bán khác	692.020.632	475.213.349
Công ty TNHH Kỹ thuật PNG Việt Nam	321.970.432	
Các khoản trả trước khác	370.050.200	475.213.349
Cộng	692.020.632	11.425.213.349

9. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2025		15/04/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	5.248.405.976	(125.754.000)	1.599.185.072	-
Tạm ứng	3.514.023.265	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi	1.227.793.314	-	1.103.716.074	-
Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ thuê tài chính	208.835.397	-	369.711.575	-
Phải thu Công ty TNHH Sản xuất Hà Thanh	125.754.000	(125.754.000)	125.754.000	-
Ký cược, ký quỹ	172.000.000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	3.423	-
Dài hạn	159.236.129	-	331.236.129	-
Ký cược, ký quỹ	159.236.129	-	331.236.129	-
Cộng	5.407.642.105	(125.754.000)	1.930.421.201	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2025		15/04/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	106.047.385.768	-	22.673.420.429	-
Thành phẩm	9.830.577.581	-	43.648.545.958	-
Hàng hoá	32.123.400.967	-	59.389.717.815	-
Cộng	148.001.364.316	-	125.711.684.202	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2025	15/04/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	221.139.853	578.614.091
Phí bảo hiểm	115.338.297	82.658.519
Công cụ, dụng cụ	96.299.705	55.374.063
Chi phí sửa khuôn	-	294.268.331
Các khoản khác	9.501.851	146.313.178
Dài hạn	17.478.173.056	17.643.164.499
Chi phí thuê đất trả trước (*)	16.025.281.801	16.408.404.071
Công cụ, dụng cụ	1.048.165.651	926.566.446
Chi phí xây dựng, sửa chữa, lắp đặt	221.662.129	294.679.979
Các khoản khác	183.063.475	13.514.003
Cộng	17.699.312.909	18.221.778.590

(*) Tiền thuê đất trả trước tại Lô CN-03, khu công nghiệp Đồng Văn IV, phường Đại Cường, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ nêu trên để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của bên liên quan với ngân hàng.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 15/04/2024	3.802.720.260	3.877.089.431	7.679.809.691
Tại ngày 31/03/2025	3.802.720.260	3.877.089.431	7.679.809.691
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 15/04/2024	1.161.274.827	1.191.060.513	2.352.335.340
Khấu hao trong năm	497.673.429	843.221.284	1.340.894.713
Tại ngày 31/03/2025	1.658.948.256	2.034.281.797	3.693.230.053
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 15/04/2024	2.641.445.433	2.686.028.918	5.327.474.351
Tại ngày 31/03/2025	2.143.772.004	1.842.807.634	3.986.579.638

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 15/04/2024	72.903.487.206	108.170.561.614	1.487.829.845	234.505.600	1.278.260.360	184.074.644.625
Mua trong năm	-	10.850.461.000	-	-	-	10.850.461.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(928.545.455)	-	-	(928.545.455)
Tại ngày 31/03/2025	72.903.487.206	119.021.022.614	559.284.390	234.505.600	1.278.260.360	193.996.560.170
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 15/04/2024	14.051.327.148	41.504.972.582	602.375.047	122.795.839	526.312.583	56.807.783.199
Khấu hao trong năm	3.705.925.487	16.395.106.011	76.568.690	37.665.490	187.908.975	20.403.174.653
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(309.135.628)	-	-	(309.135.628)
Tại ngày 31/03/2025	17.757.252.635	57.900.078.593	369.808.109	160.461.329	714.221.558	76.901.822.224
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 15/04/2024	58.852.160.058	66.665.589.032	885.454.798	111.709.761	751.947.777	127.266.861.426
Tại ngày 31/03/2025	55.146.234.571	61.120.944.021	189.476.281	74.044.271	564.038.802	117.094.737.946
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	-	1.651.510.934	-	37.990.000	42.840.360	1.732.341.294
GTCL tài sản thế chấp khoản vay của bên liên quan	55.146.234.571	8.755.234.187				63.901.468.758

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. NỢ XẤU

	31/03/2025				15/04/2024			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
		VND	VND	VND		VND	VND	VND
Công ty TNHH Cơ khí và Dịch vụ Thương mại Sơn Thủy	> 3 năm	78.738.000	-	(78.738.000)	> 3 năm	78.738.000	-	(78.738.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam	> 3 năm	17.000.000	-	(17.000.000)	> 3 năm	17.000.000	-	(17.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam		-	-	-	> 3 năm	62.251.200	-	(62.251.200)
Công ty TNHH Sản xuất Hà Thanh	2-3 năm	125.754.000	-	(125.754.000)	1-2 năm	125.754.000	125.754.000	-
SMC Electric (HK) Limited	2-3 năm	4.215.752.249	1.264.725.675	(2.951.026.574)	1-2 năm	4.215.752.249	2.951.026.574	(1.264.725.675)
SMC Multi - Media Trading Co.,Ltd	2-3 năm	718.682.056	215.604.617	(503.077.439)	1-2 năm	718.682.056	503.077.440	(215.604.616)
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Hưng Gia Việt	1-2 năm	845.190.500	422.595.250	(422.595.250)	< 1 năm	845.190.500	845.190.500	-
Cộng		6.001.116.805	1.902.925.542	(4.098.191.263)		6.063.368.005	4.425.048.514	(1.638.319.491)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/03/2025		15/04/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan	201.152.819.718	201.152.819.718	135.796.384.731	135.796.384.731
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	188.974.163.080	188.974.163.080	132.970.829.178	132.970.829.178
Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	-	-	713.271.444	713.271.444
Công ty TNHH Nhựa Khôi Việt	288.852.800	288.852.800	-	-
Công ty Cổ phần Khuôn mẫu nhựa Việt Nam	9.282.958.054	9.282.958.054	1.381.548.549	1.381.548.549
Công ty Cổ phần BPG Logisall	915.116.184	915.116.184	730.735.560	730.735.560
Công ty Cổ phần BPG Trading	1.691.729.600	1.691.729.600	-	-
Phải trả người bán khác	27.291.193.280	27.291.193.280	33.945.332.757	33.945.332.757
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Baltic	8.021.682.925	8.021.682.925	8.021.682.925	8.021.682.925
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Bason	5.905.822.500	5.905.822.500	10.602.125.000	10.602.125.000
Công ty Cổ phần Á Đông ADG	2.640.000.000	2.640.000.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	10.723.687.855	10.723.687.855	15.321.524.832	15.321.524.832
Cộng	228.444.012.998	228.444.012.998	169.741.717.488	169.741.717.488

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	15/04/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	597.061.668	597.061.668	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	7.370.287	7.370.287	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.199.960.446	2.677.809.892	2.115.849.823	2.761.920.515
Thuế thu nhập cá nhân	(22.832.306)	114.515.358	75.921.507	15.761.545
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	68.144.644	68.144.644	-
Cộng	2.177.128.140	3.464.901.849	2.864.347.929	2.777.682.060
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	22.832.306			-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.199.960.446			2.777.682.060

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2025	15/04/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	144.537.006	936.140.523
Chi phí khác	310.915.125	1.361.670.266
Cộng	455.452.131	2.297.810.789

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2025	15/04/2024
	VND	VND
Các khoản bảo hiểm	354.959.087	311.960.087
Lợi nhuận, cổ tức phải trả	16.675.823.499	3.034.519.499
Các khoản phải trả khác	73.080.051	1.309.935.488
Cộng	17.103.862.637	4.656.415.074

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/03/2025	15/04/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	125.175.941.686	237.855.024.704
- Các khoản vay ngắn hạn (19.1)	124.077.627.703	226.304.967.134
- Các khoản vay dài hạn đến hạn trả (19.1)	-	9.729.509.286
- Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (19.2)	1.098.313.983	1.820.548.284
Dài hạn	427.057.750	22.445.862.450
- Các khoản vay dài hạn (19.1)	-	20.920.490.714
- Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn (19.2)	427.057.750	1.525.371.736
Cộng	125.602.999.436	260.300.887.154

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

19.1. Các khoản vay

	15/04/2024		Trong năm		31/03/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	226.304.967.134	226.304.967.134	376.878.230.028	479.105.569.459	124.077.627.703	124.077.627.703
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (1)	89.931.767.697	89.931.767.697	177.520.679.526	213.588.508.822	53.863.938.401	53.863.938.401
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình (2)	29.946.078.817	29.946.078.817	59.998.835.051	60.048.806.034	29.896.107.834	29.896.107.834
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long (3)	15.844.506.361	15.844.506.361	46.371.084.024	45.256.716.267	16.958.874.118	16.958.874.118
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (4)	23.339.855.400	23.339.855.400	32.846.257.529	32.827.405.579	23.358.707.350	23.358.707.350
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	47.700.575.441	47.700.575.441	60.141.373.898	107.841.949.339	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội	19.542.183.418	19.542.183.418	-	19.542.183.418	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.729.509.286	9.729.509.286	4.284.117.646	14.013.626.932	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - PGD Times City - Chi nhánh Sở Giao dịch	9.729.509.286	9.729.509.286	-	9.729.509.286	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	-	-	4.284.117.646	4.284.117.646	-	-
Vay dài hạn	20.920.490.714	20.920.490.714	23.909.902.478	44.830.393.192	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - PGD Times City - Chi nhánh Sở Giao dịch	20.920.490.714	20.920.490.714	-	20.920.490.714	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	-	-	23.909.902.478	23.909.902.478	-	-
Cộng	256.954.967.134	256.954.967.134	405.072.250.152	537.949.589.583	124.077.627.703	124.077.627.703

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn của Công ty tại ngày 31/03/2025 như sau:

STT	Ngân Hàng	Số Hợp đồng	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn và mục đích vay	Tài sản đảm bảo
(1)	Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2025/14314082/H ĐTD ngày 02/01/2025	6,30% - 6,50%	Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 03/11/2025, thời hạn cho vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng; Bất động sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Chí Thức và Xe ô tô Santafe biển kiểm soát 30H-134.01 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận (Bên liên quan)
(2)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	Hợp đồng cấp tín dụng số: 01/2024/21017410/C TD ngày 15/11/2024	5,60% - 6,00%	Thời hạn cấp hạn mức tín dụng 13 tháng kể từ ngày 15/11/2024, thời hạn cho vay của mỗi Khoản nợ được ghi trên Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng
(3)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: CLC-28882-01 ngày 16/10/2024	6,90% - 9,40%	Thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 16/10/2024, thời hạn cho vay của mỗi Khoản nợ được ghi trên Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, phát hành L/C	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng
		Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản không tài sản đảm bảo số: ThauchionlineSME-8397457 ngày 17/03/2025	16%	Thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 17/03/2025, thời hạn cho vay tối đa 12 tháng tính từ ngày 17/03/2025 Mục đích: Thanh toán các chi phí hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật	Tín chấp
(4)	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN124001012/WBV N300 ngày 25/01/2024	Bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 01 tháng (dành cho cá nhân) tại các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 3,825%/năm	Thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 25/01/2024, thời hạn cho vay của từng Khoản nợ được ghi trên Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 364 ngày. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Hợp đồng tiền gửi của ông Lê Văn Quang (Bên liên quan)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**19.2. Các khoản nợ thuê tài chính**

	15/04/2024		Trong năm		31/03/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	1.820.548.284	1.820.548.284	1.098.313.986	1.820.548.287	1.098.313.983	1.098.313.983
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi trust	571.274.517	571.274.517	571.274.517	571.274.520	571.274.514	571.274.514
- Chi nhánh Hà Nội (1)						
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	75.637.767	75.637.767	70.360.716	75.637.767	70.360.716	70.360.716
- Chi nhánh Hà Nội (2)						
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (3)	1.173.636.000	1.173.636.000	456.678.753	1.173.636.000	456.678.753	456.678.753
Nợ thuê tài chính dài hạn	1.525.371.736	1.525.371.736	-	1.098.313.986	427.057.750	427.057.750
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi trust	904.517.982	904.517.982	-	571.274.517	333.243.465	333.243.465
- Chi nhánh Hà Nội (1)						
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	164.175.001	164.175.001	-	70.360.716	93.814.285	93.814.285
- Chi nhánh Hà Nội (2)						
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (3)	456.678.753	456.678.753	-	456.678.753	-	-
Cộng	3.345.920.020	3.345.920.020	1.098.313.986	2.918.862.273	1.525.371.733	1.525.371.733

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Các hợp đồng nợ thuê tài chính

STT Công ty	Hợp đồng	Tài sản thuê	Thời hạn thuê
(1) Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi trust - Chi nhánh Hà Nội	Số 21722000434/HĐCTTC ngày 14/10/2022	Máy ép nhựa BM260-MT đã qua sử dụng	48 tháng
(2) Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease - Chi nhánh Hà Nội	Số C240116812 ngày 21/02/2024	02 Robot công nghiệp	42 tháng
(3) Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Số 01043/2022/TSC-CTTC ngày 26/05/2022	Máy nghiền nhựa model KESD-32120 mới 100%	36 tháng
	Số 01165/2021/TSC-CTTC ngày 24/11/2021	Xe ô tô Hyundai Solati, mới 100%; Xe ô tô Kia Carnival, mới 100%	48 tháng
	Số 01035/2022/TSC-CTTC ngày 28/04/2022	02 xe nâng Heli CPD25 đã qua sử dụng; 01 xe nâng Heli CPD35 đã qua sử dụng	36 tháng
	Số 01153/2021/HĐMB ngày 08/11/2021	02 xe ô tô tải pick up ISUZU, mới 100%	48 tháng

Lịch trả nợ thuê tài chính dài hạn

	31/03/2025	15/04/2024
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	1.098.313.983	1.820.548.284
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	427.057.750	1.525.371.736
Cộng	1.525.371.733	3.345.920.020
Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	(1.098.313.983)	(1.820.548.284)
Nợ thuê tài chính dài hạn	427.057.750	1.525.371.736

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/04/2023	150.000.000.000	20.445.049.381	170.445.049.381
Lãi trong năm	-	21.173.515.500	21.173.515.500
Phân phối lợi nhuận	-	(40.445.049.381)	(40.445.049.381)
Tại ngày 15/04/2024	150.000.000.000	1.173.515.500	151.173.515.500
Lãi trong năm	-	28.728.905.331	28.728.905.331
Chia cổ tức (*)	-	(29.100.000.000)	(29.100.000.000)
Tại ngày 31/03/2025	150.000.000.000	802.420.831	150.802.420.831

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/03/2025 với số tiền 29.100.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-03/2025/NQ-BQP ngày 31/03/2025.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/03/2025		15/04/2024	
	VND	Tỉ lệ	VND	Tỉ lệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	79.684.000.000	53,12%	135.000.000.000	90,00%
Công ty Cổ phần BPG Invest	30.000.000.000	20,00%	-	0,00%
Ông Lương Hữu Hoàn	3.810.000.000	2,54%	4.500.000.000	3,00%
Ông Trần Trọng Thắng	4.500.000.000	3,00%	-	0,00%
Bà Hoàng Thị Hằng	3.832.000.000	2,55%	-	0,00%
Ông Lê Văn Dũng	3.688.000.000	2,46%	-	0,00%
Bà Trịnh Thị Hoà	3.220.000.000	2,15%	-	0,00%
Bà Hồ Lan Phương	-	0,00%	4.500.000.000	3,00%
Các cổ đông khác	21.266.000.000	14,18%	6.000.000.000	4,00%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ thể sở hữu và cổ tức được chia

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025 VND	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức/Lợi nhuận đã chia	29.100.000.000	40.445.049.381

Cổ phiếu

	31/03/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000

21. DOANH THU

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.199.858.459.881	1.078.103.466.261
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.073.465.327	9.036.159.990
Cộng	1.211.931.925.208	1.087.139.626.251
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	91.080.603
Doanh thu thuần	1.211.931.925.208	1.087.048.545.648

Doanh thu thuần với các bên liên quan

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	582.134.889.151	599.287.636.123
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận tại Bình Dương	-	77.522.279
Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	43.773.330.250	2.366.970.060
Công ty Cổ phần BPG SHINNIHON	139.650.000	1.471.890.000
Công ty Cổ phần Khuôn mẫu nhựa Việt Nam	1.549.150.000	3.129.968.110
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Nam Sơn Tân Uyên	-	6.351.235.500
Cộng	627.597.019.401	612.685.222.072

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	1.145.786.102.264	1.023.438.999.042
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.495.110.163	4.285.739.891
Cộng	1.151.281.212.427	1.027.724.738.933

23. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.692.271.251	5.358.156.479
Lãi trái phiếu	119.883.288	146.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	363.298.902
Cộng	2.812.154.539	5.867.455.381

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.609.887.591	24.046.867.862
Lỗ chênh lệch tỷ giá	32.882.334	-
Chi phí khác	613.000.000	-
Cộng	14.255.769.925	24.046.867.862

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
	VND	VND
Chi phí bán hàng	5.890.660.938	5.843.298.747
Chi phí nhân công	2.111.746.552	2.347.297.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.619.016.054	2.890.684.755
Chi phí khác	159.898.332	605.316.738
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.841.440.348	11.661.301.474
Chi phí nhân công	3.168.751.593	3.516.093.254
Chi phí vật liệu quản lý	805.007.117	877.849.262
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.306.033.507	1.552.065.945
Thuế, phí và lệ phí	35.839.125	8.358.386
Chi phí dự phòng	2.459.871.772	1.480.330.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.366.567.550	3.253.304.506
Chi phí bằng tiền khác	699.369.684	973.299.830
Cộng	17.732.101.286	17.504.600.221

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
	VND	VND
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8.298.716	292.077.910
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	59.603.500	54.203.766
Các khoản khác	450.506	9.477.479
Cộng	68.352.722	355.759.155

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	398.543.839.477	554.830.915.812
Chi phí nhân công	22.808.133.338	27.680.758.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.744.069.366	23.330.914.078
Chi phí dự phòng	2.459.871.772	1.480.330.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.323.798.126	28.379.828.038
Chi phí khác	2.019.596.365	2.780.504.731
Cộng	475.899.308.444	638.483.251.045

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	31.406.715.223	23.410.536.580
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(399.390)	(363.298.902)
- Trừ: Chi phí lãi vay đã loại trừ năm trước	(4.688.270.916)	(1.111.314.459)
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	60.054.006	63.681.245
Thu nhập chịu thuế	26.778.098.923	21.999.604.464
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.355.619.785	4.399.920.893
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định 91/2014/NĐ-CP	(2.677.809.893)	(2.199.960.447)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	37.060.634
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.677.809.892	2.237.021.080

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025
	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.728.905.331
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.728.905.331
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.915

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31/03/2025, Công ty có các khoản cam kết thuê đất, máy móc và phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê hoạt động với lịch thanh toán dự kiến như sau:

	31/03/2025	15/04/2024
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	14.079.602.249	12.611.809.989
Trên 1 năm đến 5 năm	56.318.408.994	48.829.400.994
Trên 5 năm	47.798.143.698	53.277.875.947
Cộng	118.196.154.941	114.719.086.930

31. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	Công ty mẹ
Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BPG SHINNIHON	Công ty cùng tập đoàn
(trước đây là Công ty TNHH Nhựa Đông Hải)	
Công ty Cổ phần Khuôn mẫu nhựa Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Nam Sơn Tân Uyên	Công ty cùng tập đoàn

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty TNHH Nhựa Khôi Việt	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BPG Logisall	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BPG Trading	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BPG Invest	Cổ đông lớn
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT Công ty mẹ
Bà Hoàng Thị Hằng	Phó Tổng giám đốc Công ty mẹ
Ông Nguyễn Hữu Duy	Phó Tổng giám đốc Công ty mẹ
Ông Nguyễn Khắc Tuấn	Phó Tổng giám đốc Công ty mẹ
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty mẹ

Ngoài các giao dịch đã trình bày ở các thuyết minh khác, trong năm Công ty đã có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với bên liên quan

	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ	851.496.689.142	623.275.981.991
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	681.102.216.224	408.625.711.075
Công ty Cổ phần BPG SHINNIHON	116.630.729.750	183.900.045.000
Công ty Cổ phần Khuôn mẫu nhựa Việt Nam	18.665.675.368	6.161.600.000
Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	47.570.000	9.634.625.000
Công ty TNHH Nhựa Khôi Việt	10.508.048.000	13.737.021.000
Công ty Cổ phần BPG Logisall	847.329.800	1.216.979.916
Công ty Cổ phần BPG Trading	23.695.120.000	-
Thanh lý tài sản cố định	-	5.583.333.333
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	-	5.583.333.333
Chia cổ tức	25.510.224.000	40.445.049.381
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	15.458.696.000	37.410.529.882
Công ty Cổ phần BPG Invest	5.820.000.000	-
Bà Hồ Lan Phương	Không còn là bên liên quan	600.000.000
Ông Lương Hữu Hoàn	739.140.000	600.000.000
Ông Nguyễn Chí Thước	Không còn là bên liên quan	200.000.000
Bà Hoàng Thị Hằng	743.408.000	200.000.000
Ông Lê Văn Dũng	715.472.000	294.047.227
Ông Lê Văn Quang	-	940.472.272
Ông Đỗ Minh Ngọc	Không còn là bên liên quan	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	561.048.000	-
Ông Vũ Văn Tuấn	318.160.000	-
Ông Nguyễn Hữu Duy	334.456.000	-
Ông Nguyễn Khắc Tuấn	205.640.000	-
Bà Trần Thị Ánh Kiều	603.340.000	-
Ông Nguyễn Bảo Trung	9.700.000	-
Ông Nguyễn Khánh Hiếu	1.164.000	-
Chi trả cổ tức/Lợi nhuận đã chia	15.458.696.000	38.130.529.883
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	15.458.696.000	37.523.329.883
Ông Lê Văn Dũng	-	55.200.000
Ông Lê Văn Quang	-	552.000.000

Số dư với bên liên quan

	31/03/2025	15/04/2024
	VND	VND
Phải trả khác	12.086.047.499	3.034.519.499
Công ty Cổ phần BPG Invest	5.820.000.000	-
Bà Hồ Lan Phương	Không còn là bên liên quan	600.000.000
Ông Lương Hữu Hoàn	1.339.140.000	600.000.000
Ông Nguyễn Chí Thức	Không còn là bên liên quan	200.000.000
Bà Hoàng Thị Hằng	943.408.000	200.000.000
Ông Lê Văn Dũng	1.009.519.227	294.047.227
Ông Lê Văn Quang	940.472.272	940.472.272
Ông Đỗ Minh Ngọc	Không còn là bên liên quan	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	561.048.000	-
Ông Vũ Văn Tuấn	318.160.000	-
Ông Nguyễn Hữu Duy	334.456.000	-
Ông Nguyễn Khắc Tuấn	205.640.000	-
Bà Trần Thị Ánh Kiều	603.340.000	-
Ông Nguyễn Bảo Trung	9.700.000	-
Ông Nguyễn Khánh Hiếu	1.164.000	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Từ 15/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 14/04/2024
		VND	VND
Bà Hồ Lan Phương	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 15/04/2024 đến ngày 12/10/2024)	55.333.333	30.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Lê Văn Dũng	Thành viên HĐQT	-	-
Bà Hoàng Thị Hằng	Thành viên HĐQT (Từ ngày 15/04/2024 đến ngày 06/06/2024)	-	-
Ông Trịnh Quốc Huy	Thành viên độc lập	-	-
Ông Choi Je Hyok	Thành viên độc lập	-	-
Ông Lương Hữu Hoàn	Giám đốc	590.296.154	656.552.756
Ông Vũ Văn Tuấn	Phó Giám đốc	324.633.077	28.050.000
Bà Trần Thị Ánh Kiều	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/10/2024)	-	-
Ông Nguyễn Khánh Hiếu	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/10/2024)	30.000.000	-
Cộng		1.000.262.564	714.602.756

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 (ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến ngày 31/03/2025.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2023 đến ngày 14/04/2024 đã được kiểm toán. Các số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ không có tính so sánh tương ứng do có sự khác biệt về năm tài chính. Kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2023 đến ngày 14/04/2024 là kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty TNHH Phát triển Bình Thuận; kỳ hoạt động từ ngày 15/04/2024 đến ngày 31/03/2025 là năm tài chính đầu tiên sau khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng cao Bình Thuận.

Hà Nam, ngày 20 tháng 05 năm 2025

Người lập kiêm Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích



Giám đốc

Lương Hữu Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01-02
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	03
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	04-05
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	06-25

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
 Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình,
 Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025
 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	30/06/2025 VND	01/04/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		428.763.031.479	387.939.405.214
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	13.603.640.007	40.494.041.518
1. Tiền	111		588.657.943	779.059.454
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.014.982.064	39.714.982.064
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	23.639.697.019	26.055.574.608
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		23.639.697.019	26.055.574.608
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225.313.432.950	170.829.189.695
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	223.233.953.024	168.986.954.350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.109.174.932	692.020.632
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.068.496.257	5.248.405.976
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.098.191.263)	(4.098.191.263)
IV. Hàng tồn kho	140	10	162.969.023.653	148.001.364.316
1. Hàng tồn kho	141		162.969.023.653	148.001.364.316
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.237.237.850	2.559.235.077
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	94.383.027	221.139.853
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.142.854.823	2.338.095.224
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		134.182.159.400	138.718.826.769
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		159.236.129	159.236.129
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	159.236.129	159.236.129
II. Tài sản cố định	220		116.263.316.465	121.081.317.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	113.449.185.167	117.094.737.946
- Nguyên giá	222		195.559.645.885	193.996.560.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.110.460.718)	(76.901.822.224)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	2.814.131.298	3.986.579.638
- Nguyên giá	225		6.318.023.976	7.679.809.691
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.503.892.678)	(3.693.230.053)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	100.000	100.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		100.000	100.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.759.506.806	17.478.173.056
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.759.506.806	17.478.173.056
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		562.945.190.879	526.658.231.983

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
 Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình,
 Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025
 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	30/06/2025 VND	01/04/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		403.681.617.673	375.855.811.152
I. Nợ ngắn hạn	310		403.414.968.732	375.428.753.402
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	248.324.814.368	228.444.012.998
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.402.831.352	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.728.831.097	2.777.682.060
4. Phải trả người lao động	314		1.638.429.593	1.471.801.890
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	310.340.900	455.452.131
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	17.213.923.597	17.103.862.637
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	130.795.797.825	125.175.941.686
II. Nợ dài hạn	330		266.648.941	427.057.750
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	266.648.941	427.057.750
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		159.263.573.206	150.802.420.831
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	159.263.573.206	150.802.420.831
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.263.573.206	802.420.831
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		802.420.831	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.461.152.375	802.420.831
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		562.945.190.879	526.658.231.983

Người lập

Phạm Thị Bích

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích

Lương Hữu Hoàn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2025



GIÁM ĐỐC

LƯƠNG HỮU HOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình,
Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025
đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	277.707.744.840	289.521.668.142
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		277.707.744.840	289.521.668.142
4. Giá vốn hàng bán	11	21	263.751.953.251	274.262.052.660
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.955.791.589	15.259.615.482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.148.519.303	653.535.788
7. Chi phí tài chính	22	23	1.853.481.844	4.293.121.356
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.853.481.844	4.293.121.356
8. Chi phí bán hàng	25	24	1.329.490.683	1.510.191.124
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.392.665.895	3.055.882.499
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.528.672.470	7.053.956.291
11. Thu nhập khác	31	26	44.838.667	2
12. Chi phí khác	32	27	155.007.648	8.305.142
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(110.168.981)	(8.305.140)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.418.503.489	7.045.651.151
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	957.351.114	606.815.368
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.461.152.375	6.438.835.783

Người lập

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích

Phạm Thị Bích



Lương Hữu Hoàn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC
LƯƠNG HỮU HOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
 Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình,
 Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025
 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025
 (Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.418.503.489	7.045.651.151
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.006.801.119	4.696.734.932
- Các khoản dự phòng	03		-	1.049.763.861
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.174.560.970)	(645.237.072)
- Chi phí lãi vay	06		1.853.481.844	4.293.121.356
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.104.225.482	16.440.034.228
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(55.400.038.695)	(26.140.966.228)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.967.659.337)	25.315.355.593
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		18.404.595.488	(43.056.410.718)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(154.576.924)	178.485.659
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.997.193.075)	(4.798.390.152)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.115.849.823)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(38.010.647.061)	(34.177.741.441)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(53.176.180)	(762.411.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.038.541.667	611.111.111
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(284.122.411)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.700.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.259.555.144	1.176.569.209
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.660.798.220	1.025.269.320
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		44.644.079.931	126.516.447.524
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(38.785.123.792)	(134.419.225.178)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(399.508.809)	(455.576.826)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.459.447.330	(8.358.354.480)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình,
Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025
đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(26.890.401.511)	(41.510.826.601)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		40.494.041.518	113.540.660.915
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	13.603.640.007	72.029.834.314

Người lập

Phạm Thị Bích

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích

Lương Hữu Hoàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2025



GIÁM ĐỐC
LƯƠNG HỮU HOÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng cao Bình Thuận (“gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Phát triển Bình Thuận. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700823506 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/01/2019 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7365832345 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp ngày 12/02/2019.

Theo Nghị quyết số 0901/2024/NQ-BTD ngày 05/04/2024, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Phát triển Bình Thuận đã quyết định chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần và đổi tên Công ty. Ngày 15/04/2024, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 và bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhựa Chất lượng cao Bình Thuận.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 06/01/2025 là 150.000.000.000 đồng tương ứng với 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công và lắp ráp các sản phẩm và linh kiện nhựa.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 năm trước và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính /hoặc tỷ lệ khấu hao hàng năm, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- | | |
|-----------------------|--------------|
| - Máy móc, thiết bị | 3,5 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 07 năm |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền thuê đất trả trước tại Lô CN-03, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam theo Hợp đồng cho thuê lại đất với Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Viglacera được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày 01/06/2020 đến ngày 04/08/2066;
- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 01 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu công nghiệp Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nên được hưởng ưu đãi đầu tư theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế trong đó Công ty được miễn thuế trong vòng 2 năm đầu tiên kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2020) và được giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Sau thời gian được hưởng ưu đãi thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/04/2025
	VND	VND
Tiền mặt	371.957.374	350.124.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	216.700.569	428.935.454
Các khoản tương đương tiền	13.014.982.064	39.714.982.064
	13.603.640.007	40.494.041.518

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2025		01/04/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	23.639.697.019	23.639.697.019	26.055.574.608	26.055.574.608
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	100.000	100.000	100.000	100.000
	23.639.797.019	23.639.797.019	26.055.674.608	26.055.674.608

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025	01/04/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất nhựa Bình Thuận	50.129.394.887	49.390.024.831
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành	27.276.805.125	28.229.657.125
Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Bình Thuận	26.883.858.974	-
Các đối tượng khác	118.943.894.038	91.367.272.394
	223.233.953.024	168.986.954.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng	3.514.023.265	-	3.514.023.265	-
Ký cược, ký quỹ	127.000.000	-	172.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.116.757.473	-	1.227.793.314	-
Phải thu Công ty TNHH Sản xuất Hà Thanh	125.754.000	(125.754.000)	125.754.000	(125.754.000)
Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ thuế tài chính	184.961.519	-	208.835.397	-
	<u>5.068.496.257</u>	<u>(125.754.000)</u>	<u>5.248.405.976</u>	<u>(125.754.000)</u>
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	159.236.129	-	159.236.129	-
	<u>159.236.129</u>	<u>-</u>	<u>159.236.129</u>	<u>-</u>

9 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/04/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cơ khí và Dịch vụ Thương mại Sơn Thủy	78.738.000	(78.738.000)	78.738.000	(78.738.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam	17.000.000	(17.000.000)	17.000.000	(17.000.000)
Công ty TNHH Sản xuất Hà Thanh	125.754.000	(125.754.000)	125.754.000	(125.754.000)
SMC Electric (HK) Limited	4.215.752.249	(2.951.026.574)	4.215.752.249	(2.951.026.574)
SMC Multi - Media Trading Co.,Ltd	718.682.056	(503.077.439)	718.682.056	(503.077.439)
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Hưng Gia Việt	845.190.500	(422.595.250)	845.190.500	(422.595.250)
	<u>6.001.116.805</u>	<u>(4.098.191.263)</u>	<u>6.001.116.805</u>	<u>(4.098.191.263)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
 Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh
 Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ kế toán từ ngày
 01/04/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/04/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật	120.412.821.415	-	106.047.385.768	-
Thành phẩm	7.115.880.724	-	9.830.577.581	-
Hàng hoá	35.440.321.514	-	32.123.400.967	-
	162.969.023.653	-	148.001.364.316	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/04/2025	72.903.487.206	119.021.022.614	559.284.390	234.505.600	1.278.260.360	193.996.560.170
Mua sắm	-	3.196.800.000	-	-	-	3.196.800.000
Tặng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	1.366.285.715	-	-	1.366.285.715
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.000.000.000)	-	-	-	(3.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2025	72.903.487.206	119.217.822.614	1.925.570.105	234.505.600	1.278.260.360	195.559.645.885
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/04/2025	17.757.252.635	57.900.078.593	369.808.109	160.461.329	714.221.558	76.901.822.224
Trích khấu hao	966.763.173	4.611.891.064	42.827.261	9.825.780	48.670.497	5.679.977.775
Tặng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	516.160.719	-	-	516.160.719
Thanh lý, nhượng bán	-	(987.500.000)	-	-	-	(987.500.000)
Tại ngày 30/06/2025	18.724.015.808	61.524.469.657	928.796.089	170.287.109	762.892.055	82.110.460.718
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/04/2025	55.146.234.571	61.120.944.021	189.476.281	74.044.271	564.038.802	117.094.737.946
Tại ngày 30/06/2025	54.179.471.398	57.693.352.957	996.774.016	64.218.491	515.368.305	113.449.185.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá	VND	VND	VND
Tại ngày 01/04/2025	3.802.720.260	3.877.089.431	7.679.809.691
Giảm do mua lại tài sản thuê tài chính	(1.361.785.715)	-	(1.361.785.715)
Tại ngày 30/06/2025	2.440.934.545	3.877.089.431	6.318.023.976
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/04/2025	1.658.948.256	2.034.281.797	3.693.230.053
Trích khấu hao	106.852.574	219.970.770	326.823.344
Giảm do mua lại tài sản thuê tài chính	(516.160.719)	-	(516.160.719)
Tại ngày 30/06/2025	1.249.640.111	2.254.252.567	3.503.892.678
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/04/2025	2.143.772.004	1.842.807.634	3.986.579.638
Tại ngày 30/06/2025	1.191.294.434	1.622.836.864	2.814.131.298

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/04/2025
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Phí bảo hiểm	62.889.679	115.338.297
Công cụ, dụng cụ	26.605.465	96.299.705
Các khoản khác	4.887.883	9.501.851
	94.383.027	221.139.853
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thuê đất trả trước	15.925.336.861	16.025.281.801
Công cụ, dụng cụ	1.386.139.727	1.048.165.651
Chi phí xây dựng, sửa chữa, lắp đặt	228.261.113	221.662.129
Các khoản khác	219.769.105	183.063.475
	17.759.506.806	17.478.173.056

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Khuôn mẫu nhựa Việt Nam	12.963.558.054	12.963.558.054	9.282.958.054	9.282.958.054
Công ty CP Tập đoàn nhựa Bình Thuận	177.146.498.280	177.146.498.280	188.974.163.080	188.974.163.080
Công ty cổ phần BPG Shinnihon	27.263.880.000	27.263.880.000	-	-
Các đối tượng khác	30.950.878.034	30.950.878.034	30.186.891.864	30.186.891.864
	248.324.814.368	248.324.814.368	228.444.012.998	228.444.012.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	755.933.159	755.933.159	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	43.660.756	43.660.756	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.761.920.515	957.351.114	-	-	3.719.271.629
Thuế Thu nhập cá nhân	-	15.761.545	21.258.672	27.460.749	-	9.559.468
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	2.777.682.060	1.781.203.701	830.054.664	-	3.728.831.097

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
 Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh
 Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ kế toán từ ngày
 01/04/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/04/2025
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	825.775	144.537.006
Chi phí phải trả khác	309.515.125	310.915.125
	310.340.900	455.452.131

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/04/2025
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	413.594.087	354.959.087
Lợi nhuận, cổ tức phải trả	16.675.823.499	16.675.823.499
Các khoản phải trả, phải nộp khác	124.506.011	73.080.051
	17.213.923.597	17.103.862.637

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/04/2025		Trong năm		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>	124.077.627.703	124.077.627.703	44.644.079.931	38.785.123.792	129.936.583.842	129.936.583.842
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I	53.863.938.401	53.863.938.401	27.613.813.565	21.484.577.399	59.993.174.567	59.993.174.567
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	29.896.107.834	29.896.107.834	6.564.003.172	6.658.326.775	29.801.784.231	29.801.784.231
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long	16.958.874.118	16.958.874.118	10.466.263.194	10.642.219.618	16.782.917.694	16.782.917.694
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	23.358.707.350	23.358.707.350			23.358.707.350	23.358.707.350
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</i>	1.098.313.983	1.098.313.983	160.408.809	399.508.809	859.213.983	859.213.983
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi trust - Chi nhánh Hà Nội	571.274.514	571.274.514	142.818.630	142.818.630	571.274.514	571.274.514
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	70.360.716	70.360.716	17.590.179	17.590.179	70.360.716	70.360.716
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	456.678.753	456.678.753	-	239.100.000	217.578.753	217.578.753
	125.175.941.686	125.175.941.686	44.804.488.740	39.184.632.601	130.795.797.825	130.795.797.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

	01/04/2025		Trong năm		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	427.057.750	427.057.750	-	160.408.809	266.648.941	266.648.941
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi trust - Chi nhánh Hà Nội	333.243.465	333.243.465	-	142.818.630	190.424.835	190.424.835
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	93.814.285	93.814.285	-	17.590.179	76.224.106	76.224.106
	427.057.750	427.057.750	-	160.408.809	266.648.941	266.648.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024			
Tại ngày 15/04/2024	150.000.000.000	1.173.515.500	151.173.515.500
Lãi/lỗ trong năm trước	-	6.438.835.783	6.438.835.783
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Tại ngày 30/06/2024	150.000.000.000	7.612.351.283	157.612.351.283
Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025			
Tại ngày 01/04/2025	150.000.000.000	802.420.831	150.802.420.831
Lãi/lỗ trong năm nay	-	8.461.152.375	8.461.152.375
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	150.000.000.000	9.263.573.206	159.263.573.206

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2025 VND	Tỷ lệ (%)	01/04/2025 VND
Công ty CP Tập đoàn nhựa Bình Thuận	53,12%	79.684.000.000	53,12%	79.684.000.000
Công ty Cổ phần BPG Invest	20,00%	30.000.000.000	20,00%	30.000.000.000
Các cổ đông khác	26,88%	40.316.000.000	26,88%	40.316.000.000
	100%	150.000.000.000	100%	150.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/04/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh
Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày
01/04/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

20 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	275.630.513.212	286.873.368.363
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.077.231.628	2.648.299.779
	277.707.744.840	289.521.668.142

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	262.571.554.973	273.302.649.067
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.180.398.278	959.403.593
	263.751.953.251	274.262.052.660

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.148.519.303	598.785.788
Lãi trái phiếu	-	54.750.000
	1.148.519.303	653.535.788

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.853.481.844	4.293.121.356
	1.853.481.844	4.293.121.356

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	577.694.801	543.668.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	733.311.619	938.526.664
Chi phí khác bằng tiền	18.484.263	27.995.641
	1.329.490.683	1.510.191.124

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh
Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày
01/04/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý	120.338.002	207.525.577
Chi phí nhân công	945.639.389	591.263.624
Chi phí khấu hao tài sản cố định	341.427.492	285.864.818
Thuế, phí, lệ phí	1.059.520	23.956.125
Chi phí dự phòng	-	1.049.763.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	970.957.492	735.637.571
Chi phí khác bằng tiền	13.244.000	161.870.923
	2.392.665.895	3.055.882.499

26 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	26.041.667	-
Thu nhập khác	18.797.000	2
	44.838.667	2

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	-	8.298.716
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	145.013.639	-
Chi phí khác	9.994.009	6.426
	155.007.648	8.305.142

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 15/04/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.418.503.489	7.045.651.151
Các khoản điều chỉnh tăng	155.007.648	-
- Chi phí không hợp lệ	155.007.648	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(977.497.469)
- Chi phí lãi vay các năm trước bị loại trừ theo ND 132/2020/NĐ-CP được chuyển tiếp vào kỳ này	-	(977.497.469)
Thu nhập tính thuế TNDN	9.573.511.137	6.068.153.682
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.914.702.227	1.213.630.736
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định 91/2014/NĐ-CP	(957.351.113)	(606.815.368)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	957.351.114	606.815.368

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CHẤT LƯỢNG CAO BÌNH THUẬN
Lô CN – 03 KCN Đồng Văn IV, phường Lê Hồ, tỉnh Ninh
Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày
01/04/2025

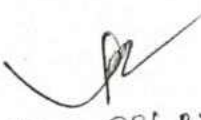
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Người lập


Phạm Thị Bích

Kế toán trưởng


Phạm Thị Bích

Lương Hữu Hoàn

Giám đốc

Ngày 09 tháng 08 năm 2025



GIÁM ĐỐC
LƯƠNG HỮU HOÀN

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm 20.....



GIÁM ĐỐC
LƯƠNG HỮU HOÀN

